

## LỜI MỞ ĐẦU

Hoà vào xu thế hội nhập của nền kinh tế thế giới với nhiều cam go và thử thách một nền kinh tế năng động và mang nhiều tính cạnh tranh để bắt kịp nhịp độ phát triển chung đây, Việt Nam đang cố gắng nỗ lực xây dựng về vật lực để có một nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế. Một trong những vấn đề mà Việt Nam cần phải chú trọng đầu tư và phát triển đó là vốn.

Vốn có vai trò rất quan trọng nó là thứ không thể thiếu được của nền kinh tế thế giới, của quốc gia, của doanh nghiệp và của từng cá nhân. Vốn là điều kiện cần cho quá trình sản xuất lưu thông hàng hoá. Để doanh nghiệp được hình thành và có thể tiến hành sản xuất kinh doanh được thì bắt buộc doanh nghiệp phải có vốn để hoạt động. Từ việc hoạt động sản xuất kinh doanh doanh nghiệp sẽ đi đến một định hướng đó là sự tồn tại lâu dài sự phát triển bền vững trong một môi trường cạnh tranh khốc liệt. Muốn làm được điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có khả năng sử dụng vốn của mình sao cho đạt hiệu quả nhất. Để từ đó không những doanh nghiệp có thể tồn tại được có chỗ đứng của mình trên thương trường mà còn có thể sử dụng những thuận lợi từ việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn đem lại để tiến hành tái đầu tư, tái sản xuất mở rộng quy mô đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển lớn mạnh hơn.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp, nên trong quá trình thực tập tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương, được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty cùng các cán bộ chuyên môn các phòng ban nghiệp vụ cùng với sự chỉ bảo tận tình của giảng viên hướng dẫn em đã tiến hành phân tích những số liệu tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương để đánh giá những mặt mạnh cũng như những hạn chế trong công tác hoạt động quản lý và sử dụng vốn tại công ty, em đã lựa chọn đề tài: “ **Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương** ” làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp của em.

Đề tài được nghiên cứu nhằm phân tích và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung về vốn kinh doanh. Từ đó đánh giá thực trạng sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp và vận dụng những vấn đề lý luận vào thực tiễn đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung của luận văn được trình bày thành 3 phần:

**Phần 1: Những lý luận chung về vốn và hiệu quả sử dụng vốn**

**Phần 2: Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương**

**Phần 3: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương**

Khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thành với sự hướng dẫn của cô giáo, Thạc sĩ Hoàng Thị Hồng Lan cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong công ty TNHH Hoàng Phương.

Trong quá trình viết luận văn, do trình độ lý luận và nắm bắt thực tế còn nhiều hạn chế nên đề tài của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được chỉ bảo, đóng góp, bổ sung ý kiến của các thầy cô giảng viên, các cô chú trong công ty và toàn thể các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn !*

## PHẦN I

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

#### 1.1 Vốn và vai trò của vốn đối với doanh nghiệp

##### 1.1.1 Khái niệm, đặc điểm vốn kinh doanh trong doanh nghiệp

###### ❖ Khái niệm về vốn kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường, mỗi doanh nghiệp được coi là một tế bào của nền kinh tế, với chức năng chủ yếu là tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, phục vụ cho nhu cầu xã hội và nhằm mục tiêu tối đa hoá giá trị doanh nghiệp. Để có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thì điều đầu tiên mang tính chất bắt buộc đối với bất kỳ doanh nghiệp nào muốn đứng vững và phát triển được thì phải có vốn. Vốn là điều kiện tiên quyết có ý nghĩa quyết định tới mọi khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy đòi hỏi chúng ta cần phải biết rõ vốn kinh doanh và các đặc trưng của vốn kinh doanh để làm tiền đề cho việc phân tích vốn kinh doanh cũng như việc tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Vốn kinh doanh của doanh nghiệp được hiểu là số tiền ứng trước để thoả mãn các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp. Các yếu tố đầu vào thông thường gồm các tài sản hữu hình và các tài sản vô hình phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mục đích kiếm lời.

Khi nói đến vốn kinh doanh của các doanh nghiệp chúng ta chủ yếu đề cập đến những đặc điểm cơ bản sau:

+ Vốn kinh doanh trong các doanh nghiệp là một loại quỹ tiền tệ đặc biệt. Mục tiêu của quỹ là để phục vụ sản xuất kinh doanh tức là để đầu tư cho các tài sản phục vụ cho mục đích sinh lời và tích lũy, không phải là mục đích tiêu dùng thông thường.

+ Vốn kinh doanh của doanh nghiệp có trước khi diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh. Tức là doanh nghiệp phải có một lượng tiền ứng trước để đầu tư vào các tài sản và các phương tiện cần thiết phục vụ cho kinh doanh thì quá

trình sản xuất kinh doanh mới thực hiện được. Do vậy đã có nhiều ý kiến cho rằng : “ có vốn mới có lời ” hoặc là “ có đầu tư mới có thể có lãi ”.

+ Vốn kinh doanh của doanh nghiệp sau khi ứng ra được sử dụng vào kinh doanh và sau mỗi chu kỳ hoạt động phải được thu về để ứng tiếp cho chu kỳ hoạt động sau. Và như vậy với tiến bộ của khoa học kỹ thuật như hiện nay, lượng tiền thu về sau mỗi chu kỳ kinh doanh thường lớn hơn số tiền mà doanh nghiệp ứng ra ban đầu. Tuy nhiên, quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường không phải lúc nào cũng diễn ra suôn sẻ mà trong quá trình vận động của vốn kinh doanh của vốn gặp rất nhiều rủi ro khác nhau làm cho số tiền thu được sau chu kỳ kinh doanh nhỏ hơn số tiền ứng ra ban đầu.

#### ❖ Những đặc trưng của vốn kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì vốn là yếu tố hàng đầu trong sản xuất kinh doanh. Quy luật cạnh tranh tăng lên làm cho tính cơ động và tầm quan trọng của vốn tăng lên. Doanh nghiệp có quyền linh hoạt sử dụng vốn sao cho mang lại hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Vì vậy để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cần phải nhận thức đầy đủ về các đặc trưng của vốn kinh doanh. Vốn kinh doanh trong doanh nghiệp có những đặc trưng cơ bản sau:

**Một là:** *Vốn phải được biểu hiện bằng một lượng giá trị thực của tài sản.*

Nghĩa là vốn được biểu hiện bằng giá trị của những tài sản hữu hình (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, đất đai...) và giá trị của tài sản vô hình (nhãn hiệu, bản quyền, phát minh, sáng chế...). Ngày nay cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật thì tài sản vô hình ngày càng phong phú, đa dạng.

**Hai là:** *Vốn phải được vận động và sinh lời.*

Vốn được biểu hiện bằng tiền nhưng chỉ ở dạng tiềm năng của vốn, để biến thành vốn thì đồng tiền đó phải được vận động và sinh lời. Trong quá trình vận động vốn có thể thay đổi hình thái biểu hiện nhưng điểm xuất phát và điểm cuối cùng của vòng tuần hoàn phải là giá trị. Đồng thời giá trị mang lại ở cuối

vòng tuần hoàn phải lớn hơn giá trị ban đầu tức là vốn phải được vận động và sinh lời.

**Ba là:** *Vốn phải được tích tụ và tập trung đến một lượng nhất định mới đủ sức đầu tư kinh doanh.*

Vì vậy để đầu tư vào sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp không chỉ khai thác tiềm năng về vốn mà còn phải tìm cách thu hút huy động vốn như: phát hành cổ phiếu, phát hành trái phiếu, liên doanh liên kết...

**Bốn là:** *Vốn phải có giá trị về mặt thời gian.*

Nghĩa là phải xem xét yếu tố thời gian của đồng vốn. Vì trong nền kinh tế thị trường do ảnh hưởng của các yếu tố giá cả, lạm phát, khủng hoảng kinh tế... nên sức mua đồng tiền ở các nước là khác nhau. Cho nên khi bỏ vốn đầu tư và xác định kết quả hoạt động đầu tư mang lại các doanh nghiệp cần phải xem xét đến giá trị thời gian của vốn.

**Năm là:** *Vốn phải được gắn với chủ sở hữu, được quản lý chặt chẽ.*

Trong nền kinh tế thị trường với sự tác động mạnh mẽ của quy luật cạnh tranh thì vốn là yếu tố rất quan trọng của mỗi doanh nghiệp. Do đó không thể có đồng vốn vô chủ. Khi đồng vốn được gắn với một chủ sở hữu nhất định thì nó mới được chi tiêu hợp lý, sử dụng vốn hiệu quả mới tránh được hiện tượng thất thoát lãng phí vốn.

**Sáu là:** *Trong nền kinh tế thị trường vốn được quan niệm như một hàng hoá và là một loại hàng hoá đặc biệt.*

Đặc trưng này của vốn được thể hiện là: Những người có vốn có thể đưa vốn vào thị trường, những người cần vốn thì đến thị trường vay và được quyền sử dụng vốn, đồng thời phải trả một khoản tiền theo một tỷ lệ lãi nhất định cho người cho vay. Tỷ lệ này phải tuân theo quy luật cung cầu vốn trên thị trường. Ở đây quyền sử dụng vốn không được di chuyển mà chỉ có quyền sử dụng được chuyển nhượng thông qua sự vay nợ.

**Bảy là:** *Vốn không chỉ biểu hiện bằng tiền của tài sản hữu hình mà nó còn được biểu hiện bằng giá trị của những tài sản vô hình*

TSVH của doanh nghiệp có thể là vị trí địa lý, nhãn hiệu thương hiệu, bản quyền sáng chế phát minh... cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường TSVH ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Thực tế trong nền kinh tế thị trường luôn có hàng ngàn, hàng vạn yếu tố bất ngờ do đó việc bảo đảm nguồn vốn kinh doanh có tầm quan trọng đặc biệt đối với các doanh nghiệp nó quyết định đến sự sống còn và tương lai phát triển của doanh nghiệp. Yêu cầu đặt ra đối với doanh nghiệp là phải xác định được nhu cầu cần thiết lựa chọn phương thức huy động vốn và phương thức đầu tư có hiệu quả.

### **1.1.2 Phân loại vốn kinh doanh của doanh nghiệp**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn kinh doanh được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý và sử dụng vốn giúp doanh nghiệp có phương pháp khai thác và tạo lập vốn kinh doanh có hiệu quả. Do đó cần phải tiến hành phân loại vốn một cách khoa học hợp lý.

#### **1.1.2.1 Theo nguồn hình thành**

Thông thường mỗi doanh nghiệp phải phối hợp cả hai nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay để đảm bảo nhu cầu kinh doanh trong kỳ. Sự kết hợp giữa hai nguồn này tạo nên cơ cấu tài chính trong doanh nghiệp.

#### **❖ Vốn chủ sở hữu**

Là phần vốn thuộc quyền sở hữu của chủ doanh nghiệp, doanh nghiệp có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt, bao gồm: vốn pháp định, vốn tự bổ sung, vốn do nhà nước tài trợ (nếu có).

- Vốn pháp định: Là số vốn tối thiểu phải có để thành lập doanh nghiệp do pháp luật quy định đối với từng ngành nghề. Đối với doanh nghiệp nhà nước nguồn vốn này do ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước như các khoản chênh lệch tăng giá làm tăng giá trị tài sản, tiền vốn trong doanh nghiệp, các khoản phải nộp nhưng để lại doanh nghiệp.

- **Vốn tự bổ sung:** Là vốn chủ yếu do doanh nghiệp được lấy một phần từ lợi nhuận để lại doanh nghiệp, nó được thực hiện dưới hình thức lấy một phần từ quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính. Ngoài ra đối với doanh nghiệp nhà nước còn được để lại toàn bộ số khấu hao cơ bản tài sản cố định để đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định. Đây là nguồn tài trợ cho nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

Nguồn vốn chủ sở hữu là một nguồn vốn quan trọng và có tính ổn định cao, thể hiện quyền tự chủ về mặt tài chính của doanh nghiệp.

#### ❖ **Vốn vay**

Là phần vốn của doanh nghiệp được huy động từ những người cho vay. Phần vốn này được hình thành từ các khoản nợ phát sinh trong quá trình kinh doanh mà doanh nghiệp có trách nhiệm phải thanh toán cho các chủ nợ, bao gồm:

- **Các khoản phải trả:** Trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phát sinh các quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với các cá nhân và các tổ chức kinh tế khác như với Nhà nước, với cán bộ công nhân viên, với khách hàng...

- **Vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng:** Đây là nguồn cung ứng vốn rất quan trọng đối với các doanh nghiệp. Nguồn vốn này đáp ứng đúng thời điểm các khoản tín dụng ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo nhu cầu của doanh nghiệp trên cơ sở các hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và doanh nghiệp.

- **Vốn vay trên thị trường chứng khoán, phát hành trái phiếu:** Tại những nền kinh tế có thị trường chứng khoán phát triển, vay vốn trên thị trường chứng khoán là một hình thức huy động vốn rất hiệu quả đối với doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể phát hành trái phiếu đây là công cụ tài chính quan trọng để sử dụng vào mục đích vay dài hạn đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh. Việc phát hành trái phiếu có thể cho phép doanh nghiệp thu hút số tiền nhàn rỗi trên thị trường để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Cách phân loại này nhằm tạo khả năng để doanh nghiệp xem xét và quyết định huy động vốn tối ưu nguồn vốn đảm bảo cho nhu cầu vốn hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời thấy được tính pháp lý của doanh nghiệp đối với mỗi nguồn vốn.

### **1.1.2.2 Theo thời gian huy động**

- Nguồn vốn thường xuyên: Là nguồn vốn có tính chất ổn định, dài hạn mà doanh nghiệp có thể sử dụng bao gồm vốn chủ sở hữu và các khoản vay dài hạn.

- Nguồn vốn tạm thời: Là nguồn vốn có tính chất ngắn hạn (dưới một năm) mà doanh nghiệp có thể sử dụng để đáp ứng nhu cầu có tính chất tạm thời, bất thường phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nguồn vốn này bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các khoản vốn chiếm dụng.

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp xem xét huy động các nguồn vốn phù hợp với thời gian sử dụng và cơ sở để lập kế hoạch tài chính.

### **1.1.2.3 Theo phương thức chu chuyển**

Theo hình thức này nguồn vốn của doanh nghiệp được phân thành hai loại nguồn vốn hình thành lên hai loại tài sản của doanh nghiệp là tài sản cố định và tài sản lưu động.

#### **❖ Vốn cố định**

Vốn cố định của doanh nghiệp là một bộ phận của vốn đầu tư ứng trước về TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mà đặc điểm của nó là luân chuyển dần dần từng phần trong nhiều chu kỳ sản xuất và hoàn thành một vòng tuần hoàn khi TSCĐ hết thời gian sử dụng.

Tài sản cố định là một là những tư liệu lao động chủ yếu, có thời gian sử dụng lâu và có giá trị đơn vị lớn. Đặc điểm chung nhất của chúng là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất và không thay đổi hình thái vật chất ban đầu. Trong quá trình đó tài sản cố định bị hao mòn dần và giá trị của nó giảm dần tương

ứng, phần giá trị này được chuyển dịch vào giá trị sản phẩm mới mà nó tham gia sản xuất ra.

Ngày nay, khi khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khái niệm tài sản cố định cũng mở rộng ra gồm cả những tài sản cố định vô hình là: nhãn hiệu thương mại, uy tín, vị trí của doanh nghiệp...

#### ❖ **Vốn lưu động**

Vốn lưu động của doanh nghiệp là số vốn tiền tệ ứng trước để đầu tư, mua sắm các TSLĐ của doanh nghiệp. Vốn lưu động là biểu hiện bằng tiền của TSLĐ nên đặc điểm vận động của vốn lưu động luôn chịu sự chi phối bởi những đặc điểm của TSLĐ.

Tài sản lưu động chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất và không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, giá trị của nó được chuyển dịch toàn bộ, một lần vào giá trị sản phẩm.

Cách phân loại này giúp cho các doanh nghiệp có biện pháp quản lý thích ứng đối với từng bộ phận vốn trên cơ sở đó để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

Như vậy thông qua việc phân loại vốn kinh doanh sẽ giúp cho người quản lý doanh nghiệp nắm bắt được cơ cấu nguồn vốn kinh doanh từ đó lựa chọn nguồn vốn bổ sung cho thích hợp và hiệu quả nhất. Ngoài ra còn giúp cho công tác lập kế hoạch huy động vốn được chính xác, sát với thực tế của doanh nghiệp, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn huy động và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.

#### **1.1.3 Vai trò của vốn với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

Trong nền kinh tế thị trường vốn kinh doanh có tầm quan trọng đặc biệt trong các doanh nghiệp. Nền kinh tế thị trường thực sự là một môi trường để cho vốn được bộc lộ đầy đủ bản chất vai trò của nó.

**Thứ nhất:** *Vốn kinh doanh là điều kiện tiên đề để doanh nghiệp có thể thực hiện được các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, nếu không có vốn sẽ không có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào.*

Trong phạm vi một doanh nghiệp có thể thấy rằng điểm xuất phát để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp là phải có một lượng vốn đầu tư ban đầu nhất định. Với số vốn đầu tư ban đầu này doanh nghiệp sẽ tiến hành các hoạt động kinh tế hình thành nên tài sản cần thiết như mua sắm các thiết bị máy móc, xây dựng nhà xưởng, mua bằng phát minh sáng chế, bản quyền, thuê mướn công nhân, hình thành số VLD thường xuyên cần thiết tối thiểu... để phục vụ sản xuất kinh doanh. Lượng vốn ban đầu đầu tư để hình thành nên vốn kinh doanh của doanh nghiệp mang tính cần thiết, là tiền đề bắt buộc. Về mặt pháp lý tất cả các doanh nghiệp dù thành phần kinh tế nào để được thành lập và đi vào hoạt động thì nhất thiết phải có lượng vốn tối thiểu theo quy định của Nhà nước hay còn gọi là vốn pháp định. Lượng vốn này nhiều hay ít phụ thuộc vào quy mô của doanh nghiệp và tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp đó.

**Thứ hai:** *Vốn kinh doanh giúp cho doanh nghiệp tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách liên tục và hiệu quả.*

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn kinh doanh của doanh nghiệp không ngừng tăng lên tương ứng với sự tăng trưởng quy mô, đảm bảo cho quá trình tái sản xuất được tiến hành một cách liên tục. Nếu doanh nghiệp thiếu vốn kinh doanh sẽ gây nhiều khó khăn cho tính liên tục của quá trình sản xuất, gây ra những tổn thất như: Sản xuất trì trệ, không đủ tiền để thanh toán với khách hàng kịp thời dẫn đến mất uy tín trong quan hệ mua bán... những khó khăn đó kéo dài tất yếu dẫn đến làm ăn thua lỗ, phá sản. Điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải luôn luôn đảm bảo đầy đủ, kịp thời vốn kinh doanh cho quá trình sản xuất, đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thứ ba:** *Vốn kinh doanh không những là điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp khẳng định chỗ đứng của mình mà còn là điều kiện tạo nên lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường.*

Trong cơ chế mới này, dưới tác động của quy luật cạnh tranh cùng với khát vọng lợi nhuận các doanh nghiệp phải không ngừng phát triển vốn kinh doanh của mình cho nên nhu cầu về vốn kinh doanh của doanh nghiệp là rất lớn.

**Thứ tư:** *Vốn kinh doanh còn là công cụ phản ánh và đánh giá quá trình vận động của tài sản tức là phản ánh và kiểm tra quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.*

Thông qua sự vận động của vốn kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính như: Hiệu quả sử dụng vốn, hệ số thanh toán, hệ số sinh lời, cơ cấu các nguồn và cơ cấu phân phối sử dụng vốn... người quản lý có thể kịp thời nhận biết thực trạng vốn trong các khâu của quá trình sản xuất, kiểm tra hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh. Với khả năng đó người quản lý có thể kịp thời phát hiện các khuyết tật và các nguyên nhân của nó để điều chỉnh quá trình kinh doanh nhằm mục tiêu đã định.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay các yếu tố kinh tế luôn luôn biến động xu thế chung của sự biến động là sự mất giá của tiền tệ và sự tăng giá của hàng hoá thị trường, điều này dẫn đến tình trạng là lượng tiền ngày hôm nay sẽ mua được nhiều hàng hoá hơn một lượng tiền như vậy của ngày hôm sau. Trong điều kiện như vậy chúng ta phải bảo toàn vốn cố định và vốn lưu động sao cho khi kết thúc một vòng tuần hoàn, vốn cố định tái lập ít nhất cũng bằng quy mô của vốn cũ để có thể trang bị tài sản ở thời điểm hiện tại, còn vốn lưu động thì đảm bảo đủ mua một số lượng vật tư hàng hoá tương đương với đầu kỳ giá cả tăng lên. Có như vậy mới đảm bảo tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng doanh nghiệp. Vì vậy bên cạnh việc có đủ vốn kinh doanh vấn đề đặt ra là cần phải có biện pháp sử dụng, bảo toàn và ở rộng vốn hiệu quả từ đó mới giúp doanh nghiệp tồn tại và ngày càng phát triển trong cơ chế thị trường.

Nhận thức được vai trò của vốn như vậy thì doanh nghiệp mới có thể sử dụng tiết kiệm có hiệu quả hơn và luôn tìm cách nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

## 1.2 Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp

Để đánh giá trình độ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp người ta thường sử dụng thước đo hiệu quả là hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đó. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của được đánh giá trên hai góc độ: Hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Trong phạm vi quản lý doanh nghiệp người ta chủ yếu quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Đây là phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp để đạt được kết quả cao nhất với chi phí thấp nhất. Do vậy các nguồn lực kinh tế đặc biệt là nguồn vốn của doanh nghiệp có tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vốn là các điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng lợi nhuận. Trong nền kinh tế thị trường rủi ro của đồng vốn trong quá trình vận động rất cao bởi sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp với nhau về giá thành, chất lượng sản phẩm, mẫu mã sản phẩm, thị trường tiêu thụ... Vì thế việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là yêu cầu mang tính thường xuyên và bắt buộc đối với các doanh nghiệp. Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn giúp ta thấy được hiệu quả của hoạt động kinh doanh nói chung và quản lý sử dụng vốn nói riêng.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là yêu cầu khách quan để tăng thêm lợi nhuận cũng chính là để bảo toàn và phát triển vốn. Hiệu quả sử dụng vốn được quyết định bởi quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy doanh nghiệp phải chủ động khai thác triệt để tài sản hiện có, thu hồi nhanh vốn đầu tư tài sản, tăng vòng quay vốn nhằm sử dụng tiết kiệm vốn, tăng doanh thu nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp phản ánh trình độ khai thác, sử dụng và quản lý vốn làm cho đồng vốn sinh lời tối đa nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là tối đa hoá giá trị tài sản của chủ sở hữu.

Hiệu quả sử dụng vốn được đánh giá thông qua hệ thống các chỉ tiêu về khả năng hoạt động, khả năng sinh lời, tốc độ luân chuyển vốn. Nó phản ánh mối quan hệ tương quan giữa kết quả thu về với chi phí bỏ ra để thực hiện sản

xuất kinh doanh. Kết quả thu về được càng cao so với số vốn bỏ ra thì hiệu quả sử dụng vốn càng cao. Do đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp doanh nghiệp giữ được sức mua của đồng vốn kể cả trong nền kinh tế có lạm phát. Tăng năng lực hoạt động của đồng vốn sẽ giúp cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp và khẳng định được vị thế cạnh tranh của mình trong cơ chế thị trường. Việc nâng cao đó phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Phải khai thác nguồn lực một cách triệt để, không để đồng vốn nhàn rỗi.
- Sử dụng vốn một cách hợp lý và tiết kiệm, đầu tư vào dự án có hiệu quả.
- Phải quản lý vốn một cách chặt chẽ nghĩa là không để vốn ứ đọng, sử dụng vốn sai mục đích, không để vốn thất thoát do buông lỏng quản lý.

Doanh nghiệp phải thường xuyên phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn để nhanh chóng có biện pháp khắc phục sai lầm, hạn chế những khuyết điểm và phát huy những ưu điểm.

### **1.2.1 Tài liệu nguồn cần thiết cho việc phân tích hiệu quả sử dụng vốn**

Để đánh giá một cách cơ bản tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp có thể sử dụng thông tin kế toán trong nội bộ doanh nghiệp như là một nguồn thông tin quan trọng bậc nhất. Với những đặc trưng hệ thống đồng nhất và phong phú, kế toán hoạt động như một nhà cung cấp các thông tin đánh giá cho phân tích. Bên cạnh đó các doanh nghiệp cũng có nghĩa vụ cung cấp các thông tin kế toán cho các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Thông tin kế toán được phản ánh khá đầy đủ trong báo cáo tài chính. Phân tích được thực hiện trên cơ sở các báo cáo tài chính đó là:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Bảng lưu chuyển tiền tệ.
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

- **Bảng cân đối kế toán:** Là một bản báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát toàn bộ tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

Bảng cân đối kế toán phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản, nguồn vốn, cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở có thể phân tích tình hình sử dụng vốn, khả năng huy động vốn vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Báo cáo kết quả kinh doanh:** Là một bản báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp. Báo cáo kết quả kinh doanh được chi tiết theo hoạt động sản xuất kinh doanh chính, phụ và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước về các khoản thuế và các khoản phải nộp khác.

- **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** Là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh việc hình thành và sử dụng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Dựa vào báo cáo lưu chuyển tiền tệ người sử dụng có thể đánh giá khả năng tạo ra tiền, sự biến động tài sản thuần của doanh nghiệp, khả năng thanh toán của doanh nghiệp và dự đoán được luồng tiền trong kỳ tiếp theo.

- **Thuyết minh báo cáo tài chính:** Là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập để giải thích và bổ sung thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo khác không thể trình bày rõ ràng và chi tiết được.

### **1.2.2 Phương pháp phân tích tình hình sử dụng hiệu quả vốn của doanh nghiệp**

Phương pháp phân tích tài chính cũng như phương pháp phân tích tình hình sử dụng vốn là cách thức, kỹ thuật để đánh giá tình hình tài chính của công ty ở quá khứ, hiện tại và dự đoán tài chính trong tương lai. Từ đó giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định kinh tế phù hợp với mục tiêu mong muốn của từng đối tượng phân tích. Để đáp ứng mục tiêu phân tích tài chính có nhiều phương pháp tiến hành như phương pháp so sánh, phương pháp tỷ lệ, phương pháp nhân tích nhân tố, phương pháp dự

đoán...Nhưng thông thường hay sử dụng hai phương pháp sau:

➤ **Phương pháp so sánh**

\* Về nguyên tắc cần phải bảo đảm các điều kiện có thể so sánh được của các chỉ tiêu tài chính (thống nhất về không gian, thời gian, nội dung, tính chất và các đơn vị tính toán...).

Gốc so sánh được lựa chọn là gốc về mặt thời gian và không gian.

Kỳ phân tích được lựa chọn là kỳ báo cáo hoặc kỳ kế hoạch.

Giá trị so sánh có thể được lựa chọn bằng số tuyệt đối, số tương đối hoặc số bình quân.

\* Nội dung so sánh bao gồm:

+ So sánh giữa số thực hiện kỳ này với số thực hiện kỳ trước để thấy rõ xu hướng thay đổi về mặt tài chính doanh nghiệp.

+ So sánh giữa số thực hiện với kỳ này với số kế hoạch để thấy mức độ phát triển của doanh nghiệp.

+ So sánh giữa số liệu của doanh nghiệp với số liệu trung bình ngành, doanh nghiệp khác để đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp mình.

+ So sánh theo chiều dọc để xem xét tỷ trọng của từng chỉ tiêu so với tổng thể, so sánh theo chiều ngang của nhiều kỳ để thấy được sự biến đổi cả về số lượng tương đối và tuyệt đối của một chỉ tiêu nào đó qua các niên độ kế toán liên tiếp.

➤ **Phương pháp phân tích tỷ lệ:**

Nguồn thông tin kinh tế tài chính đã và đang được cải tiến cung cấp đầy đủ hơn đó là cơ sở hình thành các chỉ tiêu tham chiếu tin cậy cho việc đánh giá tỷ lệ tài chính trong doanh nghiệp. Việc áp dụng công nghệ thông tin cho phép tích lũy và đẩy nhanh quá trình tính toán. Phương pháp phân tích này giúp cho việc khai thác, sử dụng các số liệu được hiệu quả hơn thông qua việc phân tích một cách có hệ thống hàng loạt các tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc gián đoạn.

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Về nguyên tắc phương pháp này đòi hỏi phải xác

định được các ngưỡng và các định mức để từ đó nhận xét và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu và tỷ lệ tài chính của doanh nghiệp với các tỷ lệ tham chiếu.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp các tỷ lệ tài chính được phân thành các nhóm chỉ tiêu đặc trưng, phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu phân tích tài chính của doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung có bốn nhóm chỉ tiêu cơ bản: Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán; nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư; nhóm chỉ tiêu về hoạt động; nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời. Mỗi nhóm tỷ lệ lại bao gồm nhiều tỷ lệ phản ánh riêng lẻ từng bộ phận của hoạt động tài chính trong mỗi trường hợp khác nhau tùy theo mục tiêu phân tích người phân tích lựa chọn những nhóm chỉ tiêu khác nhau. Để phục vụ cho việc phân tích hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp thường dùng một số các chỉ tiêu mà ta sẽ trình bày cụ thể trong phần sau.

### **1.2.3 Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn**

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp. Hoạt động trong cơ chế thị trường đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải luôn đề cao tính an toàn đặc biệt là an toàn tài chính. Đây là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc sử dụng vốn có hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng huy động vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp được đảm bảo, doanh nghiệp có đủ tiềm lực để khắc phục những khó khăn và rủi ro trong kinh doanh.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh. Để đáp ứng nhu cầu cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm... Doanh nghiệp phải có vốn trong khi đó vốn doanh nghiệp chỉ có hạn vì vậy nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là rất cần thiết.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu tăng giá trị tài sản của chủ sở hữu và các mục tiêu khác của doanh nghiệp như nâng cao uy tín sản phẩm trên thị trường, nâng cao mức sống của người lao động... Vì khi hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận thì doanh

ngành có thể mở rộng quy mô sản xuất, tạo thêm công ăn việc làm và làm tăng thu nhập cho người lao động. Điều đó giúp cho năng suất lao động của doanh nghiệp ngày càng cao tạo sự phát triển cho doanh nghiệp và các ngành liên quan đồng thời làm tăng các khoản đóng góp cho nhà nước.

Như vậy việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp không những mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp và người lao động mà còn ảnh hưởng tới nền kinh tế và toàn bộ xã hội. Do đó các doanh nghiệp phải luôn tìm ra các biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của mình.

#### **1.2.4 Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn của doanh nghiệp luân chuyển không ngừng từ hình thái này sang hình thái khác. Tại một thời điểm vốn kinh doanh tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình vận động đó vốn kinh doanh chịu nhiều tác động bởi nhiều nhân tố khác nhau làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ta cần hiểu rõ sự tác động của các nhân tố đến hiệu quả sử dụng vốn. Từ đó có các giải pháp nhằm hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực tăng cường những ảnh hưởng tích cực giúp doanh nghiệp bảo toàn vốn và đứng vững trong nền kinh tế thị trường. Thông thường để xem các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn người ta xem xét các nhân tố sau:

##### **1.2.4.1 Chu kỳ sản xuất**

Đây là một đặc điểm quan trọng gắn bó trực tiếp tới hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Nếu chu kỳ ngắn doanh nghiệp sẽ thu hồi vốn nhanh nhằm tái tạo, mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngược lại nếu chu kỳ sản xuất dài doanh nghiệp chịu một gánh nặng ứ đọng vốn và lãi phải trả cho các khoản vay tăng thêm.

##### **1.2.4.2 Kỹ thuật sản xuất**

Các đặc điểm riêng về kỹ thuật tác động liên tục tới một số chỉ tiêu quan trọng phản ánh hiệu quả sử dụng vốn cố định như hệ số đổi mới, máy móc thiết

bị, hệ số sử dụng về thời gian và công suất. Nếu kỹ thuật sản xuất đơn giản doanh nghiệp dễ có điều kiện sử dụng máy móc thiết bị nhưng lại luôn phải đối phó với các đối thủ cạnh tranh và yêu cầu của khách hàng ngày càng cao về sản phẩm. Do vậy doanh nghiệp dễ tăng doanh thu, lợi nhuận trên vốn cố định nhưng khó giữ được lâu dài. Nếu kỹ thuật sản xuất phức tạp, trình độ trang thiết bị máy móc cao, doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh song đòi hỏi công nhân có tay nghề cao, chất lượng nguyên vật liệu cao sẽ làm giảm lợi nhuận trên vốn cố định.

#### **1.2.4.3 Đặc điểm của sản phẩm**

Sản phẩm của doanh nghiệp là nơi chứa đựng chi phí và tiêu thụ sản phẩm mang lại doanh thu cho doanh nghiệp, qua đó quyết định lợi nhuận của doanh nghiệp. Nếu sản phẩm là tư liệu tiêu dùng, nhất là sản phẩm công nghiệp nhẹ như là rượu, bia...thì sẽ có vòng đời ngắn, tiêu thụ nhanh và qua đó giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh. Hơn nữa máy móc thiết bị dùng để sản xuất ra các sản phẩm có giá trị không quá lớn, do vậy doanh nghiệp có điều kiện đổi mới. Ngược lại nếu sản phẩm có vòng đời dài, có giá trị lớn như ô tô, xe máy...thì việc thu hồi vốn lâu hơn.

#### **1.2.4.4 Tác động của thị trường**

Thị trường tiêu thụ sản phẩm có tác động rất lớn tới hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Nếu thị trường sản phẩm ổn định thì sẽ là tác nhân thúc đẩy cho doanh nghiệp tái sản xuất mở rộng và mở rộng thị trường. Nếu sản phẩm mang tính thời vụ thì sẽ ảnh hưởng tới doanh thu, quản lý sử dụng máy móc thiết bị và tác động tới hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

#### **1.2.4.5 Trình độ đội ngũ cán bộ và công nhân sản xuất**

Trình độ tổ chức quản lý của lãnh đạo: Vai trò của người lãnh đạo trong quá trình sản xuất kinh doanh là rất quan trọng. Sự điều hành quản lý và sử dụng vốn hiệu quả thể hiện ở sự kết hợp một cách tối ưu các yếu tố sản xuất, giảm chi phí không cần thiết đồng thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh, đem lại cho doanh nghiệp sự tăng trưởng và phát triển.

Trình độ tay nghề của công nhân lao động: Nếu công nhân sản xuất có tay nghề cao phù hợp với trình độ công nghệ của dây chuyền sản xuất thì việc sử dụng máy móc thiết bị sẽ tốt hơn, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị làm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Để sử dụng tiềm năng lao động có hiệu quả nhất, doanh nghiệp phải có một cơ chế khuyến khích vật chất cũng như trách nhiệm một cách công bằng sẽ làm tăng hiệu quả sử dụng vốn và ngược lại.

#### **1.2.4.6 Trình độ quản lý và sử dụng các nguồn vốn**

Đây là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Công cụ chủ yếu để quản lý sử dụng vốn là hệ thống kế toán tài chính. Công tác kế toán thực hiện tốt sẽ đưa ra số liệu chính xác giúp cho lãnh đạo nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp nói chung cũng như việc sử dụng vốn nói riêng trên cơ sở đó đưa ra quyết định đúng đắn. Mặt khác đặc điểm hạch toán kế toán nội bộ của doanh nghiệp luôn gắn với tính chất tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nên cũng tác động đến quản lý vốn. Vì vậy thông qua công tác kế toán mà kiểm tra tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp sớm tìm ra những điểm tồn tại để có biện pháp xử lý giải quyết.

Tóm lại nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp rất đa dạng tùy từng loại hình, lĩnh vực kinh tế cũng như môi trường hoạt động của từng loại doanh nghiệp mà mức độ, xu hướng tác động khác nhau. Nên việc nhận thức đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp sẽ có những biện pháp kịp thời, hữu hiệu để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp có thể tồn tại đứng vững, phát triển đi lên trong thị trường.

#### **1.2.5 Các chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả sử dụng vốn**

Để đánh giá chính xác có cơ sở khoa học hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp cần phải xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phù hợp. Các chỉ tiêu này đã phản ánh được sức sản xuất, sức sinh lời cũng như sức hao phí của từng loại vốn và phải thống nhất với công thức đánh giá hiệu quả chung.

Ta có công thức tổng quát như sau:

Kết quả đầu ra

$$\text{Hiệu quả} = \frac{\text{Kết quả đầu ra}}{\text{Nguồn lực đầu vào}}$$

Kết quả đầu ra được đo bằng các chỉ tiêu: Tổng doanh thu, giá trị tổng sản lượng, lợi nhuận, các khoản nộp ngân sách. Nguồn lực đầu vào gồm các loại vốn.

Chỉ tiêu này phản ánh sức sản xuất của các yếu tố đầu vào cho thấy cứ 1 đồng chi phí bỏ ra trong kỳ kinh doanh sẽ mang lại bao nhiêu đồng kết quả. Yêu cầu chung của sự so sánh này là hiệu quả sử dụng vốn đạt tới giá trị cực đại.

Như ta đã biết nguồn vốn của doanh nghiệp được dùng để đầu tư cho những tài sản khác nhau như tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn... Do đó các nhà phân tích không chỉ quan tâm tới việc đo lường hiệu quả sử dụng của tổng vốn mà còn chú trọng tới hiệu quả sử dụng của từng bộ phận cấu thành vốn của doanh nghiệp, đặc biệt là vốn lưu động và vốn cố định.

#### 1.2.5.1 Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Khi phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động người ta thường dùng các chỉ tiêu sau:

❖ **Vòng quay của tài sản lưu động:** Chỉ tiêu này phản ánh một đồng tài sản ngắn hạn bình quân đem lại bao nhiêu đồng doanh thu. Vòng quay của tài sản lưu động càng lớn, hiệu quả sử dụng tài sản lưu động càng tăng và ngược lại nếu vòng quay của tài sản lưu động càng nhỏ, hiệu quả sử dụng tài sản lưu động giảm.

$$\text{Vòng quay TSLĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{TSLĐ bình quân trong kỳ}}$$

Tài sản lưu động bình quân trong kỳ được tính như sau:

$$\text{TSLĐ bình quân} = \frac{\text{Tổng giá trị TSLĐ đầu kỳ và cuối kỳ}}{2}$$

❖ **Sức sinh lợi của tài sản lưu động** : Cho biết một đồng tài sản lưu động bình quân đem lại mấy đồng lợi nhuận trước thuế. Sức sinh lời của tài sản lưu động càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng TSLĐ càng cao và ngược lại.

$$\text{Sức sinh lợi của TSLĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{TSLĐ bình quân trong kỳ}}$$

Đồng thời để đánh giá hiệu quả sử dụng TSLĐ người ta cũng đặc biệt quan tâm tới tốc độ luân chuyển TSLĐ vì trong quá trình sản xuất kinh doanh TSLĐ vận động không ngừng qua các hình thái khác nhau. Do đó nếu đẩy nhanh tốc độ luân chuyển TSLĐ sẽ góp phần giải quyết nhu cầu về vốn cho doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu sử dụng vốn để xác định tốc độ luân chuyển của vốn lưu động người ta dùng chỉ tiêu:

❖ **Hệ số đảm nhiệm tài sản lưu động** : Chỉ số của chỉ tiêu này càng nhỏ chứng tỏ hiệu quả sử dụng TSLĐ càng cao số TSLĐ tiết kiệm được càng nhiều và ngược lại. Qua chỉ tiêu này ta có thể biết được để có một đơn vị doanh thu thuần thì cần bao nhiêu đơn vị TSLĐ

$$\text{Hệ số đảm nhiệm TSLĐ} = \frac{\text{TSLĐ bình quân trong kỳ}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

❖ **Số ngày một vòng quay tài sản lưu động**: Số ngày một vòng quay tài sản lưu động phản ánh trung bình một vòng quay TSLĐ hết bao nhiêu ngày. Công thức được xác định như sau:

360 ngày

Số ngày 1 vòng quay TSLĐ = \_\_\_\_\_

Vòng quay TSLĐ

### 1.2.5.2 Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn cố định

Khi phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định ta tính và so sánh các chỉ tiêu sau:

❖ **Vòng quay TSCĐ:** Chỉ tiêu này phản ánh một đơn vị nguyên giá bình quân TSCĐ đem lại mấy đơn vị doanh thu thuần. Vòng quay TSCĐ càng lớn, hiệu quả sử dụng TSCĐ càng tăng và ngược lại, nếu vòng quay TSCĐ càng nhỏ, hiệu quả sử dụng TSCĐ càng giảm.

$$\text{Vòng quay TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Nguyên giá bình quân TSCĐ}}$$

Nguyên giá bình quân TSCĐ trong kỳ được tính như sau:

$$\text{Nguyên giá bình quân TSCĐ} = \frac{\text{Tổng nguyên giá TSCĐ đầu kỳ và cuối kỳ}}{2}$$

❖ **Hiệu quả sử dụng TSCĐ:** Chỉ tiêu này phản ánh một đơn vị nguyên giá bình quân TSCĐ đem lại mấy đơn vị lợi nhuận trước thuế. Nếu chỉ tiêu này càng lớn thì hiệu quả sử dụng TSCĐ càng cao và ngược lại.

$$\text{Sức sinh lợi của TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Nguyên giá bình quân TSCĐ}}$$

❖ **Suất hao phí của TSCĐ:** Chỉ tiêu này cho ta thấy để tạo ra một đồng doanh thu thuần, doanh nghiệp cần phải có bao nhiêu đồng nguyên giá bình quân tài sản cố định. Suất hao phí càng lớn thì hiệu quả sử dụng TSCĐ càng thấp. Chính vì vậy chỉ tiêu này càng nhỏ càng tốt.

$$\text{Sức hao phí của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá bình quân TSCĐ}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

### 1.2.5.3 Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn tổng vốn

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp một cách chung nhất người ta thường dùng một số chỉ tiêu tổng quát như:

✚ **Suất hao phí của tổng vốn:** Suất hao phí vốn chỉ tiêu phản ánh để có một đồng lợi nhuận thì doanh nghiệp phải đầu tư mấy đồng vốn chỉ tiêu này càng nhỏ chứng tỏ khả năng sinh lời cao, hiệu quả kinh doanh lớn.

Tổng vốn

$$\text{Suất hao phí của tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng vốn}}$$

✚ **Sức sinh lợi của tổng vốn:** Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn bình quân đem lại mấy đồng lợi nhuận trước thuế. Chỉ tiêu này càng lớn so với các kỳ trước hay so với các doanh nghiệp khác chứng tỏ khả năng sinh lợi của doanh nghiệp càng cao hiệu quả kinh doanh càng lớn và ngược lại.

Lợi nhuận trước thuế

$$\text{Suất sinh lợi của tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

✚ **Vòng quay tổng vốn:** Vòng quay tổng vốn cho biết toàn bộ vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ luân chuyển được bao nhiêu vòng qua đó có thể đánh giá được trình độ sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

Doanh thu thuần

$$\text{Vòng quay tổng vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

✚ **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh:** Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn kinh doanh bình quân sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này cho phép đánh giá tương đối chính xác khả năng sinh lời của tổng vốn.

Lợi nhuận sau thuế

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

#### 1.2.5.4 Các chỉ số về hoạt động

Các chỉ tiêu này dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các tài sản khác nhau.

✚ **Số vòng quay hàng tồn kho:** Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hoá tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì thời gian luân chuyển một vòng càng ngắn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều khả năng giải phóng hàng tồn, tăng khả năng thanh toán.

Giá vốn hàng bán

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

✚ **Số ngày một vòng quay hàng tồn kho:** Vòng quay các khoản phải thu phản ánh chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm và được xác định theo công thức:

360

$$\text{Số ngày 1 vòng quay hàng tồn kho} = \frac{360}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

✚ **Vòng quay các khoản phải thu:** Vòng quay các khoản phải thu phản ánh chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm và được xác định theo công thức:

Doanh thu thuần

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

Số vòng quay càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh đó là dấu hiệu tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu. Chỉ tiêu này cho biết mức hợp lý của số dư các khoản phải thu và hiệu quả của việc thu hồi nợ. Nếu các khoản phải thu được thu hồi nhanh thì số vòng quay luân chuyển các khoản phải thu sẽ cao và các công ty ít bị chiếm dụng vốn.

Tuy nhiên số vòng quay các khoản phải thu nếu quá cao sẽ không tốt vì thế có thể ảnh hưởng tới lượng hàng hoá tiêu thụ do phương thức thanh toán quá chặt chẽ.

✚ **Kỳ thu tiền trung bình:** Kỳ thu tiền trung bình phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi được các khoản phải thu (Số ngày một vòng quay các khoản phải thu). Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ và ngược lại.

360 ngày

Kỳ thu tiền trung bình =  $\frac{360 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$

Vòng quay các khoản phải thu

Chỉ tiêu này cho thấy để thu hồi các khoản thu cần một thời gian là bao nhiêu. Nếu số ngày này mà lớn hơn thời gian bán hàng chịu quy định cho khách hàng thì việc thu hồi các khoản phải thu là chậm và ngược lại số ngày bán hàng chịu cho khách hàng lớn hơn thời gian này thì có dấu hiệu chứng tỏ việc thu hồi nợ đạt trước kế hoạch về thời gian.

Trên đây là một số chỉ tiêu thường được sử dụng để làm căn cứ cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Đánh giá tình hình sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp tốt hay chưa tốt, ngoài việc so sánh các chỉ tiêu này với các chỉ tiêu kỳ trước, các chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch nhằm thấy rõ chất lượng và xu hướng biến động của nó, nhà quản lý doanh nghiệp cần gắn với tình hình thực tế, tính chất của ngành kinh doanh mà doanh nghiệp hoạt động để đưa ra nhận xét sát thực tế về hiệu quả kinh doanh nói chung và hiệu quả sử dụng vốn nói riêng của doanh nghiệp.

## TÓM TẮT PHẦN I

Để có thể đưa ra những nhận xét hay nhận định về hiệu quả sử dụng nguồn vốn kinh doanh trong bất cứ một doanh nghiệp hay một tổ chức kinh nào thì chúng ta cần phải biết về lý luận chung về vốn và hiệu quả sử dụng vốn. Đó là những lý luận, những khái niệm, những phương pháp để ta có thể biết làm thế nào đưa ra những khái quát về tình hình sử dụng vốn của công ty. Bên cạnh đó cần còn phải có những căn cứ, tài liệu, nguồn báo cáo thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Từ những nguồn cung cấp đó ta mới đưa ra được những biện pháp hay nhận xét đúng về công tác sử dụng và quản lý nguồn vốn sao cho hợp lý. Những căn cứ, lý luận, cơ sở để nhận xét bao gồm các mục sau:

- ❖ **Vốn và vai trò của vốn đối với doanh nghiệp**
  - Khái niệm, đặc điểm vốn kinh doanh trong doanh nghiệp
  - Phân loại vốn kinh doanh của doanh nghiệp
  - Vai trò của vốn với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- ❖ **Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp**
  - Lý luận về hiệu quả sử dụng vốn
  - Tài liệu nguồn cần thiết cho việc phân tích hiệu quả sử dụng vốn
  - Phương pháp phân tích tình hình sử dụng hiệu quả vốn của doanh nghiệp
  - Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn
  - Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp
  - Các chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

## PHẦN II

### THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHƯƠNG

#### 2.1 Một số nét khái quát về công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương

Ngày nay trong xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới các quan hệ giao thương mua bán tăng nhanh dẫn đến sự trao đổi hàng hóa giữa các nước được mở rộng không những trong khu vực mà còn trên toàn thế giới, nhu cầu về vận chuyển hàng hóa với khối lượng lớn giữa các nước với nhau. Bất cứ một hoạt động kinh doanh nào cũng phải có sự hỗ trợ của ngành dịch vụ vận tải. Trước tình hình đó công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương được thành lập.

#### 2.1.1 Quá trình hình thành về công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương

Giấy phép thành lập công ty số 002492 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 30/05/1994, giấy đăng ký kinh doanh số 046629 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hải Phòng cấp ngày 30/05/1994. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 11 năm 2007.

- Tên công ty : Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương.
- Tên giao dịch quốc tế : Hoàng Phương Company Limited.
- Địa chỉ : Số 1N Minh Khai Hồng Bàng Hải Phòng.
- Điện thoại : 0313823633/281516
- Fax : 0313746959
- Email : hoangphuongship@vnn.vn
- Tài khoản ngân hàng : 02001010005881 tại ngân hàng CPTM Hàng Hải Việt Nam.

- Mã số thuế : 02001554801
- Đại diện : Ông Trần Văn Tề: Chức vụ giám đốc.

#### ❖ Vốn đăng ký kinh doanh

- Vốn đăng ký kinh doanh khi thành lập :
- + Năm 1994 : Tổng nguồn vốn: 500.000.000 VNĐ

Trong đó : Vốn lưu động: 150.000.000 VNĐ

Vốn cố định: 350.000.000 VNĐ

+ Năm 2007 : Tổng nguồn vốn : 72.164.000.000 VNĐ

Trong đó : Vốn lưu động : 1.000.000.000 VNĐ

Vốn cố định : 71.164.000.000 VNĐ

**❖ Chức năng nhiệm vụ của công ty :**

\* Ngành, nghề kinh doanh của công ty TNHH Hoàng Phương bao gồm các lĩnh vực sau :

- Đại lý vận tải và vận tải đường sông, biển.
- Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, chất đốt, than mỏ, tàu thủy, máy tàu thủy, trang thiết bị tàu thủy, bất động sản, vật tư tôn, sắt thép, nông lâm thủy sản.

- Sửa chữa , đóng mới phương tiện vận tải thủy, bộ, phá dỡ tàu cũ.

- Đại lý và kinh doanh vận tải biển tuyến hàng hải quốc tế.

\* Mục tiêu của doanh nghiệp

- Lập ra các tác nghiệp an toàn trong khi khai thác tàu và tạo môi trường làm việc an toàn.

- Thiết lập các phương án phòng tránh rủi ro đã được xác định.

- Liên tục hoàn thiện kỹ năng quản lý an toàn của các sỹ quan thuyền viên và các cán bộ nhân viên của công ty, bao gồm cả sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp liên quan tới an toàn và bảo vệ môi trường.

Để đạt được các mục tiêu trên, công ty thiết lập, triển khai thực hiện và duy trì một hệ thống quản lý an toàn đáp ứng :

- Các quy phạm và quy định bắt buộc.

- Các bộ luật, các hướng dẫn và các tiêu chuẩn thích hợp được tổ chức bởi hàng hải quốc tế, các chính quyền hành chính, các tổ chức phân cấp, các tổ chức hàng hải công nghiệp khuyến nghị.

**Lo go của công ty:**



**❖ Quy mô phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương**

Quy mô đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty cũng có sự biến chuyển rõ rệt qua các năm. Đặc biệt với việc tập trung hoạt động trong lĩnh vực hàng hải, công ty đã từng bước đầu tư mở rộng đội tàu để khai thác vận tải trên các tuyến đường biển. Năm 2003 công ty đã đầu tư Tàu Hoàng Phương 46 trọng tải 2864 DWT, năm 2005 thuê Tài chính tàu Hoàng Phương 126 trọng tải 2010 DWT vận tải tuyến Đông Nam Á.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn  
Hoàng Phương

**Sự hình thành và phát triển của đội tàu vận tải Hoàng Phương**

Năm	Đầu tư	Số lượng	Tên Tàu	Trọng tải
1994		2 tàu sông	Tàu HP 1233 Tàu HP 1283	100T 100T
1995	Mua	2 tàu biển	Tàu Hoàng Phương 08	600T
	Đóng mới	2 tàu biển	Tàu Hoàng Phương 02 Tàu Hoàng Phương 04	650T 400T
1997	Góp vốn	2 Tàu biển	Tàu Hoàng Phương 26 Tàu Hoàng Phương 10	460T 630T
	Góp vốn	4 tàu sông	Tàu HP 2198 Tàu HP 1369 Tàu HP 1413 Tàu HP 1420	100T 420T 360T 400T
2000	Góp vốn	1 tàu biển	Tàu Hoàng Phương 36	620T
	Mua và hoán cải	1tàu biển	Tàu Hoàng Phương 18	800T
	Hoán cải	1tàu biển	Tàu Hoàng Phương 10	830T
2001	Đóng mới	3 tàu biển	Tàu Hoàng Phương 35 Tàu Hàng Phương 45 Tàu Hoàng Phương 26	750T 1084T 1553T
	Nâng cấp	3 tàu	Tàu Hoàng Phương 18 Tàu Hoàng Phương 10	830T 830T
2002	Đóng mới	4Tàu	Tàu Hoàng Phương 26 Tàu Hoàng Phương 45 Tàu Hoàng Phương 25 Tàu Hoàng Phương 46	1553T 1084T 857T 2864T
2003	Đóng mới	1tàu	Tàu Hàng Phương 16	1608T
2005	Thuê TC	1 Tàu	Hoàng Phương 126	2010T
2006	Xuất trả vốn góp		Tàu Hoàng Phương 36 Tàu Hoàng Phương 10 Tàu Hoàng Phương 4 Tàu HP 1283,HP 1369, HP1420	
	Đóng mới	1 tàu	Đang hoàn thiện	4300T
T6/2006	Mua tàu	1tàu	Hoang Phương Sun	3034T
T10/2007	Đóng tàu	1 tàu	Đưa tàu Hoàng Phương Star không hạn chế và khai thác	
T1/2008	Mua tàu	1 tàu	Tàu Hoàng Phương 135	1900T

( Nguồn : Phòng nhân sự tổng hợp- Công ty TNHH Hoàng Phương )

❖ **Đặc điểm lao động trong công ty**

Đối với Công ty TNHH Hoàng Phương cơ cấu lao động được bố trí theo phân cấp quản lý và theo đặc thù của ngành nghề kinh doanh.

\* **Cơ cấu lao động trong công ty**

**Bảng 1: Cơ cấu lao động trong công ty**

*Đơn vị: Người*

Tên đơn vị	Năm 2008	
	Nam	Nữ
Văn phòng công ty (khỏi trên bờ, gián tiếp)	12	6
Trực tiếp sản xuất	138	10
<b>Tổng số</b>	<b>150</b>	<b>16</b>
	<b>166</b>	

( Nguồn : Phòng nhân sự tổng hợp- Công ty TNHH Hoàng Phương )

Cơ cấu nhân sự của công ty TNHH Hoàng Phương được chia làm 2 bộ phận :

- **Bộ phận lao động gián tiếp** : Bao gồm các phòng ban hành chính như phòng hành chính, nhân sự, tổng hợp ; phòng tài chính kế toán ; phòng khai thác quản lý tàu ; phòng kỹ thuật, vật tư. Về số lượng đủ theo định biên để hoàn thành chức năng nhiệm vụ. Về chất lượng đối với lao động làm chuyên môn nghiệp vụ đều trẻ và có trình độ đại học đây là điều kiện thuận lợi để có thể tiếp cận phương pháp làm việc hiện đại. Tuy nhiên trình độ ngoại ngữ và tin học còn yếu công ty cần có kế hoạch đào tạo bổ sung kiến thức cho lực lượng lao động trẻ này.

- **Bộ phận lao động trực tiếp** : Bao gồm các thuyền viên trên tàu như thuyền trưởng, sỹ quan, máy trưởng, thợ máy... Hiện số lượng và các chức danh đủ để bố trí cho các tàu, trình độ chuyên môn của các sỹ quan thuyền viên đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

\* **Tình hình thu nhập cán bộ công nhân viên của công ty trong những năm qua**

Từ những năm đầu thành lập Công ty mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty đều tăng hàng năm. Công ty đang áp dụng hình thức trả

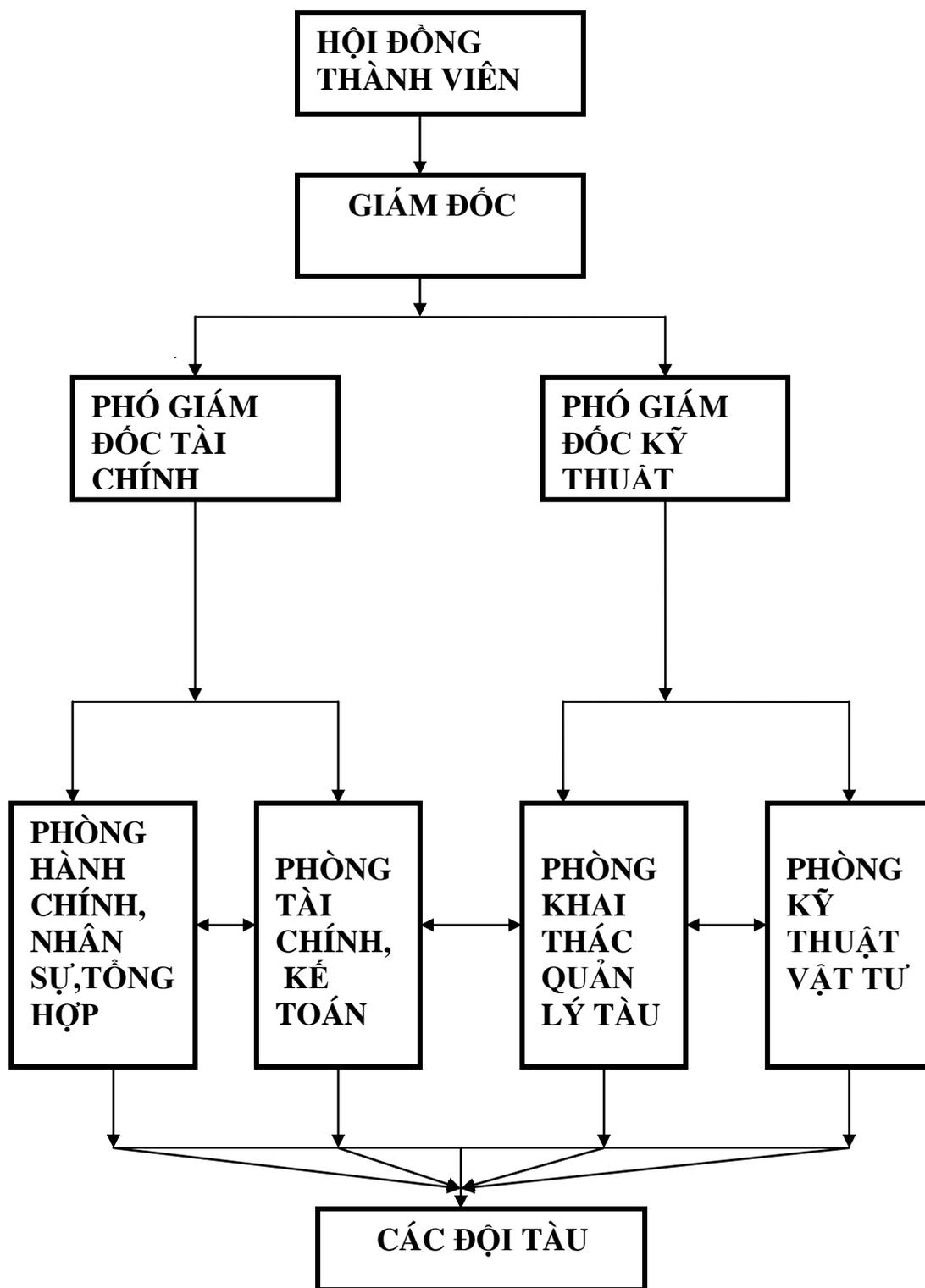
lương theo chức vụ chức danh và theo thoả thuận. Mức lương được trả theo sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động khi ký kết “Hợp đồng lao động”.

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động học hỏi, nâng cao tay nghề, giúp người lao động phát huy tính sáng tạo và tinh thần tập thể. Bên cạnh đó công ty có chính sách khen thưởng động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp, sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời cũng có những chế tài thích hợp đối với các cán bộ, công nhân viên có hành vi xấu ảnh hưởng không tốt đến hoạt động và uy tín của công ty. Ngoài ra căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm công ty đều lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ đó khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc hăng say và gắn bó hơn với công ty.

**❖ Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Hoàng Phương**

Công ty TNHH Hoàng Phương có bộ máy tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt và hoạt động rất hiệu quả. Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến - chức năng.

**Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Hoàng Phương**



**BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

**Chú thích:** —→ Đường trực tuyến

↔ Đường chức năng

### **Hội đồng thành viên:**

Hội đồng thành viên gồm các thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Thành viên là tổ chức chỉ định người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên quyết định những vấn đề được Luật doanh nghiệp 2005 và điều lệ công ty quy định. Hội đồng thành viên thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc, tổng giám đốc, Kế toán trưởng cho năm tiếp theo.

### **Ban giám đốc của công ty:**

Ban giám đốc công ty gồm có 3 thành viên ,trong đó có 1 giám đốc và 2 phó giám đốc.

- **Giám đốc:** là người điều hành hoạt động kinh doanh của công ty hằng ngày, là người đại diện của công ty trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho giám đốc là các phó giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của giám đốc.

- **Phó giám đốc tài chính:** Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên công ty và Nhà nước theo điều lệ kế toán Nhà nước về mọi hoạt động Tài chính - Kế toán của công ty. Tổng hợp số liệu ,báo cáo kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, vật tư, tiền vốn... Phân tích, đánh giá hoạt động tài chính và khai thác kinh doanh, tìm ra biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

- **Phó giám đốc kỹ thuật:** Nghiên cứu và cải tiến công nghệ khoa học kỹ thuật. Bảo quản các trang thiết bị của công ty. Kiểm tra chất lượng máy móc, thiết bị, các phương tiện vận tải cũng như nguyên vật liệu phục vụ các hoạt động kinh doanh nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao nhất để có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

### **Các phòng ban chức năng của công ty**

- **Phòng hành chính, nhân sự, tổng hợp :**

Có nhiệm vụ tổ chức, theo dõi, quản lý nhân sự của công ty, chịu trách nhiệm quản lý con dấu, các hồ sơ văn bản chứng từ giao và nhận của công ty. Thực hiện công tác tiền lương theo chế độ tiền lương của nhà nước, xây dựng đơn giá tiền lương cho từng luồng tuyến vận chuyển, khảo sát định mức ngày công cho sửa chữa.

• **Phòng tài chính, kế toán :**

Kiểm tra giám sát tình hình thu chi tài chính, tình hình thực hiện với ngân sách nhà nước đồng thời ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về kế toán. Phân tích những thông tin số liệu kế toán nhằm tham mưu đề xuất những ý kiến trong các nhà quản trị trong công tác hành chính. Cung cấp thông tin số liệu kế toán để lập các báo cáo theo quy định của pháp luật.

• **Phòng khai thác quản lý tàu :**

Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc thu nhập đầy đủ chính xác thông tin về tình hình chủ hàng, thực hiện hợp đồng xếp dỡ, đại lý giao nhận hàng, công tác quản lý duy trì mở rộng phạm vi kinh doanh. Soát xét hợp đồng bốc xếp, làm, đóng mới tàu, thống nhất biểu giá vận tải nội bộ, hàng biển, bộ và các dịch vụ có liên quan. Theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng, kế hoạch tham gia điều chỉnh hợp đồng. Trực tiếp quan hệ giải quyết khiếu nại của chủ hàng về các vụ có liên quan đến chất lượng của công ty.

• **Phòng kỹ thuật vật tư :**

Xây dựng kế hoạch mua sắm phụ tùng, vật liệu cung ứng kịp thời cho quá trình sản xuất. Tổ chức thu thập thông tin, đánh giá về đề xuất lựa chọn nhà cung ứng. Tổ chức xây dựng định mức cấp phát tiêu hao phụ tùng vật tư, nhiên liệu. Kiểm soát chất lượng của sản phẩm, tổ chức đánh giá chất lượng của sửa chữa, đề xuất giải pháp biện pháp đảm bảo an toàn phương tiện.

### **2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Hoàng Phương**

Bất cứ một doanh nghiệp nào bên cạnh những thuận lợi luôn song hành với những khó khăn, đưa ra những biện pháp giải quyết được những khó khăn doanh nghiệp mới đứng vững trên thị trường và phải nhận biết được mình đang có

những thuận lợi nào cần phát huy, có khó khăn nào cần tháo gỡ mới là vấn đề quyết định tồn tại của mỗi doanh nghiệp.

### **\* Những thuận lợi**

Từ những năm đầu thành lập công ty luôn luôn thay đổi hoàn thiện bản thân, xây dựng thương hiệu, tự tìm đối tác, tự tìm kiếm thị trường để từng bước đứng vững trên nền kinh tế nước ngoài nói chung trên nền kinh tế trong nước nói riêng, được bạn hàng tin tưởng. Từ năm 1994 đến nay 15 năm công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ đại học, cao đẳng, có kinh nghiệm cao, ngoại ngữ và trình độ giao tiếp tốt đã giúp công ty hoạt động kinh doanh tốt được nhiều bạn hàng biết đến. Không những thế trụ sở giao dịch của công ty cũng rất gần cảng Hải Phòng rất thuận tiện cho việc giao dịch hay liên hệ với khách hàng, cũng như kiểm tra, giám sát được bốc xếp lượng hàng vận chuyển, chủ hàng, quá trình giao nhận hàng .

Hải Phòng là một thành phố Cảng biển của đất nước ta đây cũng chính là một thị trường tiềm năng của công ty. Điều đó đòi hỏi phải có một cơ sở vật chất tiên tiến hiện đại, đầu tư cho dịch vụ vận chuyển rất nhiều và nhanh chóng bắt kịp với quá trình phát triển của thành phố. Bên cạnh đó việc hình thành lên các quận huyện mới, các khu công nghiệp mở rộng, các nhà máy kỹ thuật, các công trình xây dựng mới đòi hỏi phải có sự giúp sức của ngành dịch vụ vận tải nói chung và của công ty nói riêng.

Hiện nay cơ chế chính sách của nhà nước và thành phố ngày càng hoàn thiện, đặc biệt là luật Vận tải biển, luật Kinh tế biển, giao thông trên biển và một số chính sách mới như đẩy mạnh xây dựng đường xá, cầu cống thuận tiện cho lưu thông chuyên chở trên biển, bộ ban hành tạo khung pháp lý, điều kiện thuận lợi cho ngành dịch vụ vận tải biển, sông cũng như các công ty dịch vụ vận tải trong đó có công ty TNHH Hoàng Phương.

Trong thời kỳ hội nhập Việt Nam gia nhập WTO và xu hướng toàn cầu hoá như hiện nay công ty đã chủ động, sáng tạo, tiếp cận và hoà nhập nhanh với cơ chế thị trường, chú trọng chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, thực hiện phương châm

: đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ ; đa phương hoá quan hệ và đa phương sở hữu. Đã huy động tất cả các nguồn lực của công ty như vật lực, trí lực, tài chính do vậy công ty phát triển nhanh, đã có những thay đổi căn bản. Nếu như những năm trước đây, từ chỗ chỉ có những bạn hàng qua quen biết, những nhà cung ứng trong nước thì giờ đây các doanh nghiệp đã chủ động đi tìm bạn hàng qua những trang web, thông tin trên mạng và có sự lựa chọn, sàng lọc nhiều nhà cung ứng. Biết chủ động chuyển dịch cơ cấu vừa làm “dịch vụ vận chuyển” vừa làm “nhà cung ứng” của nhiều hợp đồng lớn mở rộng không chỉ trong nước mà còn vươn lên trên thị trường Đông Nam Á, trên thế giới. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế, tăng cường phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường như công ty đã cam kết vì mục tiêu phát triển bền vững. Chính những lý do đó đã tạo điều kiện cho công ty trong quá trình phát triển.

#### \* Những khó khăn

•**Rủi ro đặc thù:** Do đặc điểm của ngành lại phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết như bão gió, mưa lũ, biến động...Gây ra một số trở ngại trong quá trình giao nhận, vận chuyển hàng bị chậm hơn so với hợp đồng đã ký, cũng như gặp rất nhiều rủi ro thương vong về người và của. Hiện nay còn xuất hiện các hiện tượng tệ nạn trên biển như cướp biển. Nếu công ty không có những chuẩn bị trong quá trình dự báo tốt, sự ăn khớp giữa các phòng ban chức năng sẽ gây ra những rủi ro không đáng có ảnh hưởng xấu đến uy tín và chất lượng của công ty đến không chỉ các bạn hàng trong nước mà cả nước ngoài.

•**Ảnh hưởng của nền kinh tế:** Hiện nay nền kinh tế thế giới lâm vào tình trạng khủng hoảng, biến động không ngừng, lạm phát gia tăng khiến cho một số các công ty, ngân hàng trên thế giới rơi vào tình phá sản kéo theo giá cả các mặt hàng như xăng dầu, giá cả hàng tư liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, than mỏ, thiết bị tàu thủy...hàng loạt biến động và tăng giá. Làm ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh không chỉ của công ty mà toàn bộ các doanh nghiệp khác. Đơn đặt hàng ngày càng ít, các phụ phí sửa chữa đắt đỏ, luôn phải thương lượng với khách hàng, chịu những sức ép của khách hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời

sống của toàn bộ công nhân viên chức của công ty.

•**Đối với sự cạnh tranh:** Năm 2007 là năm đầu tiên nền kinh tế nước ta gia nhập WTO, hội nhập đầy đủ, toàn diện vào nền kinh tế thế giới tạo ra những cơ hội mới, thuận lợi mới cũng như những thử thách mới, sức cạnh tranh mới. Thời gian gần đây có rất nhiều các công ty được thành lập và tham gia vào lĩnh vực dịch vụ vận tải biển tạo ra một làn sóng cạnh tranh rất lớn trong ngành. Công ty không những phải phát triển và đi theo xu hướng của thời đại mà còn phải luôn hoàn thiện chính mình đưa ra những chính sách, chiến lược, kế hoạch để đánh bại lại những đối thủ cạnh tranh trực tiếp và tiềm tàng, vừa phải giữ chân khách cũ, vừa phải thu hút các khách hàng mới.

•**Đối với vấn đề quản lý:** Để đáp ứng được xu thế nền kinh tế mới có nhiều thuận lợi cũng như thử thách mới đòi hỏi công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây cũng chính là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với công ty ở hiện tại và trong tương lai.

## **2.2 Khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm vừa qua từ năm 2006 - 2008**

Trong những năm qua được sự chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của ban lãnh đạo công ty cùng sự cố gắng của cán bộ công nhân viên toàn công ty trong hoạt động kinh doanh công ty đã đạt những kết quả đáng kể. Chúng ta sẽ xem xét các chỉ tiêu đạt được của công ty trong ba năm sau:

**Bảng 2: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu qua 3 năm từ 2006 – 2008**

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm			So sánh 08/07		So sánh 07/06	
	2008	2007	2006	Mức tăng	Tỷ lệ (%)	Mức tăng	Tỷ lệ (%)
Tổng giá trị tài sản	165.046	155.837	98.634	9.209	6	57.202	58
Doanh thu thuần	81.118	56.063	28.873	25.055	45	27.190	94
Giá vốn hàng bán	64.943	44.615	25.588	20.328	46	19.027	74
Lợi nhuận thuần	4.805	5.606	1.280	-801	-14	4.326	338
Lợi nhuận khác	0	0	45	0	0	-45	-100
Lợi nhuận trước thuế	4.805	5.606	1.325	-801	-14	4.281	323
Lợi nhuận sau thuế	3.460	4.036	954	-576	-14	3.082	323
TNBQ/tháng	2,412	2,902	1,725	-0,49	-17	1,117	68

(Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)

Năm 2006 công ty đã phát huy thành tích đạt được trong những năm trước đó cùng với truyền thống lao động sáng tạo, sự cố gắng phấn đấu của tập thể công nhân viên chức trong toàn công ty cũng như sự chỉ đạo sáng suốt của ban lãnh đạo. Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2006 đưa doanh thu của công ty trên 25.000 triệu đồng vượt chỉ tiêu là 3.000 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 954 triệu đồng.

Năm 2007 có tổng giá trị tài sản năm là 155.837 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 58% so với năm 2006. Giá vốn hàng bán năm 2006 là 25.588 triệu đồng đến năm 2007 là 44.615 triệu đồng vậy tăng 19.027 triệu đồng, điều này dẫn đến làm cho doanh thu bán hàng năm 2007 tăng 27.190 triệu đồng tương ứng là 94% rất lớn. Lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2007 tăng 4.281 triệu đồng so với năm 2006 tương ứng với tỷ lệ 323% trong đó có lợi nhuận thuần tăng đến 5.606 triệu đồng tương ứng là 338%, trong khi đó lợi nhuận khác lại giảm 45 triệu đồng. Cùng với sự tăng lên của doanh thu, lợi nhuận trước thuế...

thì đời sống cán bộ công nhân viên của toàn công ty được cải thiện đáng kể. Thu nhập bình quân 1 tháng của người lao động được nâng lên từ 1,725 triệu/tháng năm 2006 đến năm 2007 là 2,902 triệu/tháng tăng tương ứng là 68% so với năm 2006.

Năm 2008 tổng giá trị tài sản tăng lên là 165.046 triệu đồng tương ứng tăng là 6% so với năm 2007. Như vậy cho thấy quy mô tài sản của công ty ngày càng tăng lên không nhiều. Chính tổ công ty đã mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư trang thiết bị máy móc và đầu tư mới vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác trong năm 2007 rất nhiều... Doanh thu thuần của năm 2008 là 81.118 triệu đồng tương ứng với 45% tăng hơn so với năm 2007 và giá vốn hàng bán tăng 20.328 triệu đồng tương ứng là 46%. Nhưng lợi nhuận trước thuế của công ty lại giảm 801 triệu đồng và giảm tương ứng là 14% đã làm cho lợi nhuận sau thuế giảm là 576 triệu đồng cùng với thu nhập bình quân 1 tháng đã giảm 0,49 triệu/tháng tương ứng là giảm 17%. Sỡ dĩ công ty bị giảm lợi nhuận như vậy là do sự khủng hoảng kinh tế toàn cầu gia tăng kéo theo lạm phát, biến động giá cả... ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công.

Qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của công ty trong vòng 3 năm gần đây cho thấy hoạt động của công ty còn rất nhiều biến động, doanh thu cũng như lợi nhuận của công ty từ năm 2006 đến năm 2007 tăng rất mạnh gần như là vượt trội. Năm 2006 doanh thu và lợi nhuận trước thuế là 28.873 triệu đồng; 1.325 triệu đồng đến năm 2007 là 56.063 triệu đồng; 5.606 triệu đồng. Cho thấy công ty đã chuẩn bị tốt lộ trình của mình trong quá trình gia nhập WTO và sự chỉ đạo nhạy bén chính xác của ban lãnh đạo công ty.

### **2.3 Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương**

Để làm sáng tỏ công tác quản lý và sử dụng vốn tại công ty chúng ta cần phân tích tổng quát chung về tình hình nguồn vốn như sau

### 2.3.1 Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty

Một trong những nguồn vốn quan trọng của công ty là vốn lưu động là sự biểu hiện bằng các khoản tiền, các khoản phải thu, hàng tồn kho...

#### 2.3.1.1 Kết cấu tài sản lưu động trong công ty

Trong doanh nghiệp giữa tài sản lưu động và nguồn vốn lưu động chính là hai mặt biểu hiện khác nhau của giá trị tài sản lưu động hiện có của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Vấn đề đặt ra là các doanh nghiệp phải lựa chọn cân nhắc cho mình một cơ cấu tài sản lưu động tối ưu vừa giảm được chi phí sử dụng vốn vừa đảm bảo sự an toàn cho doanh nghiệp. Để xem xét tính hợp lý của các thành phần tài sản lưu động chiếm trong tổng số vốn lưu động ta phân tích bảng sau đây:

**Bảng 3: Kết cấu tài sản lưu động của công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2007		Năm 2006		Chênh lệch cơ cấu 08/07 (%)	Chênh lệch cơ cấu 07/06 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		
<b>Tài sản lưu động</b>	<b>9.585</b>	<b>100</b>	<b>9.528</b>	<b>100</b>	<b>7.798</b>	<b>100</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.815	29,37	3.298	34,61	2.624	33,65	-5,24	0,96
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.405	25,09	2.451	25,72	3.706	47,53	-0,63	-21,81
Hàng tồn kho	3.484	36,35	2.908	30,52	2.387	30,61	5,83	-0,09
Tài sản lưu động khác	881	9,19	871	9,14	1.839	23,58	0,05	-14,14

*(Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Nhìn vào bảng trên nhìn chung hàng tồn kho chiếm tỷ trọng trong tài sản lưu động ít biến động năm 2006 chiếm 30,61% trong tài sản lưu động đến năm 2007 chiếm 30,52% không mấy thay đổi, năm 2008 chiếm tỷ trọng cao hơn là 36,35% và tỷ trọng có xu hướng tăng lên do chênh lệch cơ cấu năm 08/07 là

5,83% .Tỷ trọng hàng tồn kho lớn như vậy là do công ty đang hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu hoá đòi hỏi mở rộng quy mô về sản xuất, kinh doanh, khai thác các lợi thế kinh tế và còn do giá cả tăng lên công ty phải lưu trữ hàng. Đây là biểu hiện tích cực cho sự phát triển của công ty về lâu về dài. Tuy nhiên hàng tồn kho của công ty chiếm cao như vậy sẽ làm ứ đọng vốn đồng thời làm chậm khả năng quay vòng vốn của công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền có tỷ trọng theo xu hướng giảm nhưng không nhiều trong tài sản lưu động qua 3 năm năm 2006 chiếm 33,65% nhưng đến năm 2007 tăng nhẹ chiếm 34,61% và đến năm 2008 giảm xuống 29,37% và biến động về tỷ trọng năm 2007 tăng 0,96% so với năm 2006 nhưng đến năm 2008 so với năm 2007 lại giảm 5,24%. Lượng tiền của công ty có xu hướng giảm nhưng không nhiều vẫn chiếm tỷ trọng lớn gây ra sự ứ đọng vốn không tốt cho công ty.

Các khoản phải thu ngắn hạn nhìn chung có biến động năm 2006 cao chiếm 47,53% trong tài sản lưu động nhưng đến năm 2007 và năm 2008 thì xấp xỉ nhau chiếm 25,72% và 25,09%. Như vậy các khoản phải thu đã giảm tương đối tốt cho công ty bởi nó làm giảm khả năng bị khách hàng chiếm dụng vốn, làm tăng khả năng thanh toán nhưng vẫn chiếm tỷ trọng khá cao trong TSLĐ.

### **2.3.1.2 Tình hình sử dụng tài sản lưu động tại công ty**

Phân tích tình hình biến động của tài sản lưu động của công ty qua 3 năm (2006-2008) ta dựa vào bảng dưới đây.

**Bảng 4: Phân tích tình hình sử dụng tài sản lưu động**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm			So sánh 08/07		So sánh 07/06	
	2008	2007	2006	Mức tăng	Tỷ lệ (%)	Mức tăng	Tỷ lệ (%)
<b>Tài sản lưu động</b>	<b>9.585</b>	<b>9.528</b>	<b>7.798</b>	<b>57</b>	<b>0,60</b>	<b>1.730</b>	<b>22,19</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.815	3.298	2.624	-483	-14,65	674	25,68
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.405	2.451	3.706	-46	-1,88	-1.255	-33,86
Hàng tồn kho	3.484	2.908	2.387	576	19,81	521	21,83
Tài sản lưu động khác	881	871	1.839	10	1,15	-968	-52,63

*( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

❖ **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Vốn lưu động bằng tiền là các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của đơn vị. Năm 2006 tiền và các khoản tương đương tiền của công ty là 2.624 triệu đồng nhưng đến năm 2007 tăng lên 674 triệu đồng tương ứng là 25,68% đến năm 2008 thì giảm xuống 483 triệu đồng tương ứng là giảm 14,65%. Cho thấy doanh nghiệp đã huy động luồng tiền tương đối lớn vào năm 2007 để mở rộng về quy mô hoạt động kinh doanh và tăng khối tiền tệ được thanh toán cho các nhà cung cấp cũng như thu tiền từ khách hàng tăng.

Nhưng lượng tiền của doanh nghiệp biến động cho thấy trong 3 năm các luồng xuất nhập quỹ của công ty bất ổn định, điều này không tốt cho công ty. Do hiện nay công ty không sử dụng báo cáo tài chính lưu chuyển tiền tệ vì thế rất khó khăn trong công tác phân tích các luồng tiền thu, chi ra vào trong doanh nghiệp, công ty nên quan tâm đến vấn đề này.

❖ **Các khoản phải thu ngắn hạn**

Các khoản phải thu ngắn hạn của công ty phụ thuộc vào: doanh thu bán chịu, giới hạn của lượng vốn có thể bán chịu, thời hạn bán chịu và chính sách thu tiền. Từ bảng trên ta thấy các khoản phải thu ngắn hạn của công ty trong 3 năm nhìn chung bị giảm năm 2006 là 3.706 triệu đồng đến năm 2007 giảm

xuống còn 2.451 triệu đồng tương ứng giảm 33,86% đến năm 2008 giảm tiếp 46 triệu đồng tương ứng là giảm 1,88% (bảng 4). Để đánh giá các khoản phải thu ngắn hạn của công ty có hợp lý hay không cần xem xét tỷ số các khoản phải thu ngắn hạn so với doanh thu.

**Bảng 5: Tình hình các khoản phải thu ngắn hạn**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2006	Chênh lệch	
				08/07	07/06
Doanh thu thuần	81.118	56.063	28.873	25.055	27.190
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.405	2.451	3.706	-46	-1.255
<b>CKPTNH/DT (%)</b>	<b>2,96%</b>	<b>4,37%</b>	<b>12,84%</b>	<b>-1%</b>	<b>-8%</b>
Chi tiết các khoản phải thu					
Phải thu của khách hàng	1.904	1.614	1.495	290	119
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	0	0	1.080	0	-1.080
Các khoản phải thu khác	500	836	1.129	-336	-293

*( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Từ bảng trên thấy doanh thu thuần qua 3 năm từ năm 2006 đến năm 2008 đều tăng rất mạnh song tốc độ tăng của các khoản phải thu ngắn hạn giảm xuống do đó tỷ lệ các khoản phải thu trên doanh thu thuần giảm xuống. Năm 2008 tình hình thu tiền của công ty là tốt nhất trong 3 năm các khoản phải thu ngắn hạn chỉ chiếm có 2,96% doanh thu, năm 2006 chiếm 12,84% doanh thu do thuế giá trị gia tăng được khấu trừ là 1.080 triệu đồng tăng làm cho các khoản phải thu tăng và đến năm 2007 giảm xuống chỉ chiếm 4,37% doanh thu. Trong đó các khoản phải thu thì phải thu khách hàng là tăng ít nhất năm 2006 phải thu khách hàng là 1.495 triệu đồng đến năm 2007 tăng 119 triệu đồng, năm 2008 tăng 290 triệu đồng so với năm 2007. Nhưng do các khoản phải thu khác giảm nên vẫn làm cho các khoản thu ngắn hạn giảm. Cho thấy đây là một tín hiệu rất tốt cho công ty khi giảm được các khoản phải thu ngắn hạn, tăng khả năng thanh toán cho công ty tránh được sự ứ đọng vốn.

## **Bảng 6: Tình hình hàng tồn kho**

### **❖ Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2006	Chênh lệch	
				08/07	07/06
Doanh thu thuần	81.118	56.063	28.873	25.055	27.190
Hàng tồn kho	3.484	2.908	2.387	576	521
<b>HTK/DT (%)</b>	<b>4,29</b>	<b>5,19</b>	<b>8,27</b>	<b>-0,89</b>	<b>-3.08</b>

*(Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng tương đối trong tài sản lưu động và cũng tăng qua các năm, năm 2006 hàng tồn kho là 2.387 triệu đồng đến năm 2007 tăng lên 521 triệu tương ứng 21,83% và năm 2008 tăng 576 triệu tương ứng 19,81% so với năm 2007 (bảng 4) nhưng tăng không nhiều. So với tốc độ tăng doanh thu thì hàng tồn kho tăng ít hơn. Qua 3 năm thì tỷ lệ hàng tồn kho trên doanh thu giảm xuống năm 2007 là 5,19% giảm được 3,08% và năm 2008 giảm được 0,89% so với năm 2007. Do ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp là dịch vụ vận tải nên lượng dự trữ hàng tồn kho càng ít càng có lợi cho doanh nghiệp. Lượng hàng tồn kho của công ty tăng lên trong năm 2007 và năm 2008 có thể do công ty dự trữ một lượng tối ưu do tình hình biến động của nền kinh tế, lạm phát gia tăng, giá cả bất ổn.

### **2.3.1.3 Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản lưu động tại công ty**

Để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản lưu động của công ty ta cần dùng các chỉ tiêu như mức sinh lợi, hệ số đảm nhiệm tài sản lưu động và các chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển... được thể hiện ở bảng dưới đây.

**Bảng 7: Hiệu quả sử dụng tài sản lưu động**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			So sánh 08/07		So sánh 07/06	
			2008	2007	2006	Mức tăng	Tỷ lệ (%)	Mức tăng	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	81.118	56.063	28.873	25.055	44,69	27.190	94,17
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.805	5.606	1.325	-801	-14,29	4.281	323,09
3	Giá vốn hàng bán	Tr.đ	64.943	44.615	25.588	20.328	45,56	19.027	74,36
4	TS lưu động bình quân	Tr.đ	9.557	8.663	7.779	894	10,31	884	11,36
5	Số dư bình quân các khoản phải thu	Tr.đ	2.428	3.079	3.502	-651	-21,13	-424	-12,09
6	Hàng tồn kho bình quân	Tr.đ	3.196	2.648	1.823	549	20,72	825	45,23
7	Sức sinh lợi của TSLĐ	Lần	0,5	0,65	0,17	-0,14	-22,3	0,48	279,92
8	Hệ số đảm nhiệm TSLĐ	Lần	0,12	0,15	0,27	-0,04	-23,76	-0,11	-42,65
9	Số vòng quay TSLĐ	Vòng	8,49	6,47	3,71	2,02	31,16	2,76	74,36
10	Thời gian 1 vòng luân chuyển	Ngày	42,41	55,63	96,99	-13,22	-23,76	-41,36	-42,64
11	Số vòng quay HTK	Vòng	20,32	16,85	14,04	3,47	20,58	2,82	20,06
12	Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	33,41	18,21	8,24	15,20	83,46	9,97	120,88
13	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	10,78	19,77	43,66	-8,99	-45,49	-23,9	-54,73

*(Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Qua bảng trên ta thấy sức sinh lợi của TSLĐ năm 2007 cao nhất trong vòng 3 năm từ năm 2006 đến năm 2008. Cụ thể là năm 2006 một đồng TSLĐ bình quân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra 0,17 đồng lợi nhuận. Năm 2007 một đồng TSLĐ bình quân tạo ra 0,65 đồng lợi nhuận tăng lên về mặt giá trị là 0,48 đồng tương ứng tăng 279,92% cho thấy năm 2007 hiệu quả sử dụng TSLĐ của công ty rất tốt, đến năm 2008 thì giảm đi còn 0,5 đồng và tương ứng là giảm 22,3%. Có thể do năm 2008 hoạt động của công ty không được tốt cho lắm do ảnh hưởng của sự khủng hoảng kinh tế. Hệ số đảm nhiệm của TSLĐ giảm dần qua các năm là một tín hiệu tốt cho công ty thấy được trong

công tác quản lý, tiết kiệm được TSLĐ ngày càng cao. Năm 2006 hệ số đảm nhiệm là 0,27 có nghĩa cứ một đồng doanh thu sinh ra doanh nghiệp cần sử dụng 0,27 đồng TSLĐ bình quân đến năm 2007 chỉ cần có 0,15 đồng giảm 0,11 đồng và năm 2008 giảm chỉ còn là 0,12 đồng so với năm 2007. Trên bảng cho thấy tốc độ tăng của doanh thu qua 3 năm tăng nhanh hơn tốc độ tăng của TSLĐ bình quân như vậy công ty đã sử dụng hiệu quả TSLĐ và tiết kiệm được nguồn TSLĐ.

Ngoài ra ta còn thấy số vòng quay TSLĐ qua các năm tăng lên năm 2006 từ 3,71 vòng đến năm 2007 tăng lên 2,76 vòng là 6,47 vòng và đến năm 2008 tăng là 8,49 vòng. Thời gian một vòng luân chuyển của TSLĐ cũng giảm qua các năm từ 96,99 ngày đến năm 2007 giảm còn 55,63 ngày và năm 2008 giảm so với năm 2007 còn 42,41 ngày. Qua hai chỉ tiêu này cho thấy khả năng quay vòng vốn TSLĐ và sức sinh lợi từ TSLĐ công ty rất nhanh sẽ giúp công ty luân chuyển, huy động vốn kịp thời, nhanh chóng cho các dự án kế hoạch kinh doanh, giúp công ty giảm chi phí sử dụng vốn.

Vòng quay hàng tồn kho có xu hướng tăng lên năm 2006 là 14,04 vòng đến năm 2007 tăng lên 2,28 vòng là 16,85 vòng năm 2008 là 20,32 vòng cho thấy công tác quản lý hàng tồn kho của công ty tương đối ổn trong quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vòng quay các khoản phải thu của công ty tăng liên tục qua các năm . Năm 2007 vòng quay các khoản phải thu là 18,21 vòng với tỷ lệ tăng là 120,88% rất cao và năm 2008 là tăng cao hơn năm 2007 là 33,41 vòng. Bên cạnh đó thì kỳ thu tiền bình quân có xu hướng giảm xuống năm 2006 là 43,66 ngày, năm 2007 là 19,77 ngày và năm 2008 là 10,78 ngày, nguyên nhân là do tốc độ tăng của doanh thu thuần lớn hơn tốc độ tăng của các khoản phải thu

Như vậy công ty có tốc độ quay vòng vốn nhanh chóng, thời gian thu hồi nợ ngắn, tiết kiệm được lượng TSLĐ chứng tỏ trong công tác quản lý và sử dụng tài sản lưu động của công ty khá tốt. Giúp công ty xác định đúng đắn nhu cầu vốn lưu động

thường xuyên cần thiết đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành liên tục, tiết kiệm có hiệu quả kinh tế cao. Vòng quay các khoản phải thu có tăng qua các năm nhưng các khoản phải thu vẫn chiếm 1/3 TSLĐ cho thấy công tác thu hồi nợ của công ty chưa được chặt chẽ công ty cần quan tâm hơn nữa công ty thu hồi nợ để tăng khả năng quay vòng vốn.

*Vậy hiệu quả sử dụng vốn lưu động được thể hiện qua hiệu quả sử dụng các tài sản lưu động của công ty cho thấy hiệu quả sử dụng vốn lưu động có hiệu quả nhưng chưa rõ rệt. Lượng tiền và các khoản tương đương tiền biến động bất ổn, do công ty chưa có kế hoạch theo dõi chặt chẽ lượng tiền ra vào của công ty. Mặc dù vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn của công ty có giảm nhưng là do tốc độ tăng doanh thu thuần lớn hơn tốc độ tăng các khoản phải thu chứ không phải do công tác thu hồi nợ có hiệu quả. Hàng tồn kho có lớn tuy không tốt nhưng do công ty dự trữ một lượng hàng nhất định cho tương lai do giá cả biến động là hoạt động đầu tư tích cực.*

### **2.3.2 Phân tích hiệu quả sử dụng vốn cố định tại công ty**

Trong cơ cấu vốn cố định của công ty thì tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất, năm 2006 chiếm 80%, năm 2007 và năm 2008 chiếm 90% trong tổng vốn cố định. Vì vậy nó ảnh hưởng trực tiếp tới sự thay đổi cơ cấu và biến động của vốn cố định. Nên khi phân tích đánh giá hiệu quả vốn cố định ta phải gắn liền với việc phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định của công ty.

#### **2.3.2.1 Kết cấu tài sản cố định của công ty**

Cơ cấu của tài sản cố định là tỷ trọng của từng loại tài sản cố định chiếm trong toàn bộ tài sản cố định. Xét về mặt giá trị phân tích cơ cấu tài sản cố định nhằm đánh giá tính hợp lý về sự biến động tỷ trọng từng loại tài sản cố định. Trên cơ sở đó đầu tư tài sản cố định theo một cơ cấu hợp lý để phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn cố định. Ta có thể xem xét kết cấu tài sản cố định của công ty và tỷ trọng của mỗi loại tài sản trong bảng sau:

**Bảng 8: Kết cấu tài sản cố định**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008				Năm 2007			
	Nguyên giá		Giá trị còn lại		Nguyên giá		Giá trị còn lại	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nhà cửa, kiến trúc	16.203	8,77	8.535	5,49	16.203	9,42	10.125	6,93
Máy móc thiết bị	20.051	10,86	10.338	6,65	19.866	11,55	16.130	11,04
Phương tiện vận tải	147.492	79,87	135.888	87,4	134.612	78,26	119.078	81,50
Thiết bị quản lý	619	0,34	497	0,32	1.032	0,60	468	0,32
TSCĐ khác	294	0,16	202	0,13	294	0,17	307	0,21
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.659</b>	<b>100</b>	<b>155.461</b>	<b>100</b>	<b>172.007</b>	<b>100</b>	<b>146.108</b>	<b>100</b>

*( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Qua bảng trên cho biết trong tài sản cố định của công ty thì phương tiện vận tải chiếm tỷ trọng lớn nhất năm 2007 phương tiện vận tải chiếm 78,26%, năm 2008 chiếm 79,87% trong giá trị nguyên giá của tài sản cố định, kể cả trong giá trị còn lại của tài sản cố định năm 2007 chiếm 81,50% và năm 2008 chiếm 87,4%. Do hoạt động ngành nghề kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh vận tải biển nên trong cơ cấu tài sản cố định thì phương tiện vận tải mới chiếm tỷ trọng lớn như vậy. Và tỷ trọng phương tiện vận tải tăng dần qua các năm cho thấy công ty đã có những kế hoạch, chiến lược sử dụng vốn để mở rộng đầu tư vào ngành nghề chủ đạo, quan tâm và chú trọng đến phát triển đội tàu.

Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai sau phương tiện vận tải trong tài sản cố định là máy móc thiết bị năm 2007 tỷ trọng nguyên giá là 11,55% và tỷ trọng trong giá trị còn lại là 11,04% và năm 2008 là 10,86%; 6,65%. Cho thấy song song với hoạt động đầu tư mua sắm các phương tiện vận tải thì công ty đã mua sắm một số máy móc thiết bị hiện đại trên tàu để nâng cấp, cải tiến hiện đại phục vụ cho các thuyền viên trên tàu trong quá trình vận hành không chỉ trong nước mà còn ở trên biển nước ngoài.

Công ty không đầu tư nhiều vào hoạt động xây dựng trụ sở kinh doanh, phân xưởng mà chỉ sửa chữa thay thế thiết bị do đó cơ cấu nhà cửa, vật kiến trúc cũng như các thiết bị văn phòng và một số tài sản khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tài sản cố định và giảm dần qua hai năm.

Nhìn vào cơ cấu tài sản cố định của công ty là tương đối hợp lý. Công ty đã huy động được một lượng lớn vốn vào hoạt động đầu tư tài sản cố định để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là phương tiện vận tải.

### **2.3.2.2 Hoạt động quản lý, bảo toàn và đổi mới tài sản cố định**

Tài sản cố định của công ty rất lớn do đó công ty luôn có các hoạt động nâng cấp, bảo quản hay đổi mới nếu có thể đây là một số các công tác quản lý TSCĐ.

#### **❖ Công tác khấu hao tài sản cố định**

Trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì một bộ phận của tài sản cố định được chuyển hoá vào giá trị sản phẩm, một bộ phận còn lại được cố định trong tài sản. Như vậy sau một chu kỳ sản xuất kinh doanh, một bộ phận của tài sản cố định được chuyển hoá thành hình thái tiền tệ và được doanh nghiệp thu hồi lại dưới hình thức trích khấu hao tài sản cố định. Để đảm bảo cho việc bảo toàn và phát triển năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giá trị trích khấu hao phải phù hợp với giá trị hao mòn thực tế của tài sản cố định ( kể cả hao mòn hữu hình cũng như hao mòn vô hình ) và doanh nghiệp phải có kế hoạch sử dụng quỹ khấu hao để đầu tư trang thiết bị tài sản cố định một cách có hiệu quả. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<b>Nhóm TSCĐ</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 5

( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương )

Tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương trong thời gian qua việc quản lý và thu hồi vốn cố định được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 9: Tình hình trích khấu hao tài sản cố định của công ty trong năm 2008**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Số khấu hao lũy kế		Giá trị còn lại	
		Số tiền	Nguyên giá (%)	Số tiền	Nguyên giá (%)
Nhà cửa, kiến trúc	16.203	7.668	47.32	8.535	52.68
Máy móc thiết bị	20.051	9713	48.44	10.338	51.56
Phương tiện vận tải	147.492	11.604	7.87	135.888	92.13
Thiết bị quản lý	619	122	19.71	497	80.29
TSCĐ khác	294	92	31.29	202	68.71
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.659</b>	<b>29.198</b>	<b>15.81</b>	<b>155.461</b>	<b>84.19</b>

*( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Qua số liệu bảng trên ta thấy tổng giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đã khấu hao dùng trong sản xuất kinh doanh tính đến ngày 31/12/2008 là 155.461 triệu đồng chiếm 84,19% so với nguyên giá. Trong đó chi tiết thì máy móc thiết bị là khấu hao nhiều nhất khấu hao hết 48,44% và đứng thứ hai là nhà cửa và kiến trúc khấu hao 47,32% so với nguyên giá và tiếp đó là tài sản cố định khác có mức khấu hao là 31,29% chứng tỏ các loại tài sản này đã rất cũ kỹ và lạc hậu có lẽ loại tài sản này đã được mua sắm từ nhiều năm, do đó công ty cần có chế độ thay thế, nâng cấp hợp lý để nâng cao khả năng phục vụ nếu có điều kiện công ty có thể thay thế mới. Phương tiện vận tải đã khấu hao hết 11,58% so với nguyên giá của nó cho thấy loại tài sản này còn tương đối mới khả năng hoạt động còn tốt và công ty luôn có những chính sách nâng cấp, bảo dưỡng sửa chữa kịp thời. Đó là một trong những thuận lợi lớn của công ty trong việc duy trì và ổn định hoạt động kinh doanh của mình.

Qua đây cho thấy, công ty đã chú trọng rất nhiều vào đổi mới các phương tiện vận tải cho nên mức khấu hao của loại tài sản này không nhiều và công ty cần có những chính sách nâng cấp, bảo dưỡng hợp lý các tài sản cố định của mình có thể thanh lý những tài sản lạc hậu, tàu già không có khả năng phục hồi

để phục vụ tốt hơn cho yêu cầu hoạt động kinh doanh của mình. Tuy nhiên công ty sẽ phải lưu ý đến công tác sử dụng phương pháp khấu hao TSCĐ sao cho có khả năng thu hồi vốn nhanh và hạn chế các ảnh hưởng của hao mòn vô hình. Do hiện tại công ty đang sử dụng khấu hao theo phương pháp đường thẳng khả năng thu hồi vốn chậm và thời gian sử dụng thường rất lâu, ảnh hưởng hao mòn vô hình lớn.

#### ❖ Công tác đổi mới tài sản cố định

Tài sản cố định đối với doanh nghiệp chủ yếu là kinh doanh vận tải biển do đó có vai trò đặc biệt quan trọng đó là các phương tiện vận tải trên biển. Vì vậy công ty luôn quan tâm tới hoạt động đầu tư thay thế trang thiết bị máy móc để nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải trên biển đáp ứng tốt những đòi hỏi khắt khe hơn của thị trường kinh doanh dịch vụ vận tải biển. Ta có thể thấy được tình hình đầu tư thay đổi mới tài sản cố định theo nguyên giá tài sản cố định tại công ty trong bảng sau:

**Bảng 10: Tình hình đầu tư đổi mới tài sản cố định**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm			So sánh 08/07		So sánh 07/06	
	2008	2007	2006	Mức tăng	Tỷ lệ (%)	Mức tăng	Tỷ lệ (%)
Nhà cửa, kiến trúc	16.203	16.203	16.203	0	0	0	0
Máy móc thiết bị	20.051	19.866	8.558	185	0,93	11.308	132,13
Phương tiện vận tải	147.492	134.612	35.689	12.880	9,57	98.923	277,18
Thiết bị quản lý	619	1.032	952	-413	-40,02	80	8,40
TSCĐ khác	294	294	294	0	0	0	0
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>	<b>184.659</b>	<b>172.007</b>	<b>61.696</b>	<b>12.652</b>	<b>7,36</b>	<b>110.311</b>	<b>178,80</b>

( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)

Nguyên giá tài sản cố định tăng lên liên tục trong vòng 3 năm. Nguyên giá tài sản cố định năm 2007 là 172.007 triệu đồng tăng lên 110.311 triệu đồng với tỷ lệ 178,80% so với năm 2006 và năm 2008 tăng lên 12.652 triệu đồng với tỷ lệ

7,36% so với năm 2007, cho thấy trong năm 2007 công ty đã đầu tư một lượng vốn lớn vào tài sản cố định để mở rộng kinh doanh chủ yếu là các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị còn nhà cửa kiến trúc và tài sản khác không thay đổi qua 3 năm. Trong đó máy móc thiết bị năm 2007 tăng 11.308 triệu đồng so với năm 2006 và 2008 tăng 185 triệu đồng so với năm 2007. Đây là khoản đầu tư vào máy móc thiết bị của công ty vào hoạt động sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải, sẽ giảm được một lượng chi phí nếu như phải mang ra ngoài sửa, đó là một hoạt động đầu tư cho lâu dài. Thiết bị quản lý của công ty cũng tăng vào năm 2007 là 80 triệu đồng so với năm 2006 nhưng đến năm 2008 lại giảm 413 triệu đồng do công ty thanh lý những tài sản quá cũ, không thể nâng cấp.

Vận tải biển là hoạt động kinh doanh truyền thống mang lại doanh thu và lợi nhuận lớn nhất cho công ty. Cho nên các phương tiện vận tải có vai trò quan trọng rất lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nó có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định. Phương tiện vận tải năm 2006 là 35.689 triệu đồng đến năm 2007 là 134.612 triệu đồng, năm 2008 là 147.492 triệu đồng như vậy phương tiện vận tải tăng lên qua các năm để đáp ứng các nhu cầu về dịch vụ vận tải, sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành trong những năm đầu hội nhập WTO, điển hình là năm 2008 công ty đã mua thêm tàu Hoàng Phương 126 với trọng tải là 2010 DWT cho thuê tài chính vận tải tuyến Đông Nam Á. Không những công ty chỉ chú trọng vào việc mua mới các phương tiện vận tải mà công ty còn nâng cấp, sửa chữa kịp thời cho các tài sản này cho thấy công tác quản lý các phương tiện của công ty rất tốt.

### **2.3.2.3 Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định của công ty**

Để đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty chủ yếu ta căn cứ vào các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản cố định như vòng quay tài sản cố định, suất hao phí tài sản cố định, suất sinh lợi của tài sản cố định...

**Bảng 11: Hiệu quả sử dụng tài sản cố định của công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			So sánh 08/07		So sánh 07/06	
			2008	2007	2006	Mức tăng	Tỷ lệ (%)	Mức tăng	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	81.118	56.063	28.873	25.055	44,69	27.190	94,17
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.805	5.606	1.325	-801	-14,29	4.281	323,09
3	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	81.743	74.588	69.827	7.155	9,59	4.761	6,82
4	Nguyên giá TSCĐ	Tr.đ	184.659	172.007	61.696	12.652	7,36	110.311	178,80
5	Nguyên giá bình quân TSCĐ	Tr.đ	178.333	116.852	63.397	61.481	52,61	53.455	84,32
6	Giá trị hao mòn lũy kế	Tr.đ	29.198	25.899	19.183	3.299	12,74	6.716	35,01
7	Vòng quay TSCĐ	Vòng	0,45	0,48	0,46	-0,02	-5,19	0,02	5,35
8	Sức sinh lợi TSCĐ	Lần	0,03	0,05	0,02	-0,02	-43,84	0,03	129,55

*(Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Từ bảng trên ta thấy vòng quay của tài sản cố định từ năm 2006 đến năm 2008 có sự biến động năm 2006 vòng quay tài sản cố định là 0.46 vòng đến năm 2007 tăng lên 0,02 vòng nhưng đến năm 2008 so với năm 2007 thì lại giảm 0,02 vòng. Trong 3 năm năm 2007 có vòng quay TSCĐ lớn nhất là 0,48 vòng tức là cứ một đồng nguyên giá tài sản cố định khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra 0,48 đồng doanh thu. Vòng quay tài sản cố định có sự biến động như vậy là do tốc độ tăng của doanh thu thuần và tốc độ tăng nguyên giá bình quân tài sản cố định qua 3 năm không tương ứng. Cụ thể là năm 2007 thì doanh thu thuần tăng 27.190 triệu đồng có tỷ lệ tăng tương ứng là 94,17%, năm 2008 tăng 22.055 triệu tương ứng là 44,69% thấp hơn so với năm 2007 và nguyên giá bình quân năm 2007 tăng 110.311 triệu đồng và năm 2008 tăng 12.652 triệu đồng. Cho thấy năm 2007 công ty làm ăn có hiệu quả tốc độ doanh thu tăng mạnh hơn tốc độ tăng của nguyên giá tài sản cố định, công tác quản lý tài sản cố định tương đối tốt.

Để đánh giá chính xác hơn phải xem xét đến sức sinh lợi của tài sản cố định. Sức sinh lợi của tài sản cố định tính theo lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có sự biến động giống vòng quay tài sản cố định. Sức sinh lợi của tài sản cố định năm 2007 là 0,05 tức là cứ mỗi đồng tài sản cố định bình quân thì tạo 0,05 đồng lợi nhuận trước thuế và tăng hơn so với năm 2006 đáng kể là 0,03 tương ứng tỷ lệ tăng là 129,55%, năm 2008 sức sinh lợi giảm là 0,02 tương ứng giảm là 43,84% so với năm 2007. Điều đó cho ta thấy rằng tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng qua các năm và đặc biệt là năm 2007 tình hình sử dụng tài sản cố định trong năm 2007 đạt hiệu quả cao. Trong đó đặc biệt là việc sử dụng các phương tiện vận tải tốt các phương tiện vận tải luôn chạy hết công suất và được nâng cấp bảo trì bảo dưỡng liên tục. Theo sự thống kê của phòng kinh doanh thì thời gian vận hành trung bình của đội tàu trong năm là 80%:  $365 \text{ ngày} * 80\% = 292 \text{ ngày}$ . Song với năng lực vận tải của công ty hiện tại là 11 tàu và 1 tàu cho thuê tài chính vẫn không đáp ứng được hết nhu cầu của khách hàng với những tuyến Bắc - Nam, Đông Nam Á có thể nói đây là điều đáng mừng cho ngành kinh doanh vận tải của công ty trong việc mở rộng kinh doanh.

*Nhìn chung hiệu quả sử dụng vốn cố định của công ty có hiệu quả đặc biệt là năm 2007 công tác quản lý tài sản cố định tương đối tốt công ty nên phát huy, thể hiện việc đưa ra kế hoạch đầu tư mua mới các tàu, máy móc, nguyên giá TSCĐ tăng qua các năm, công tác nâng cấp, bảo dưỡng kịp thời. Lượng vốn cố định của công ty được phân bổ hợp lý để đầu tư vào TSCĐ và chủ yếu là các TSCĐ có liên quan đến ngành nghề chủ đạo là kinh doanh dịch vụ vận tải biển. Nhưng bên cạnh đó công ty nên quan tâm đến kinh doanh hàng tư liệu sản xuất là một ngành nghề hỗ trợ đắc lực cho dịch vụ vận tải.*

### 2.3.3 Phân tích chung về nguồn vốn của công ty

Trước tiên ta cần xem xét cơ cấu của nguồn vốn gồm những khoản mục nào cấu thành lên nguồn vốn của công ty

#### 2.3.3.1 Kết cấu nguồn vốn của công ty

Tổng vốn của công ty tăng dần qua 3 năm gần đây năm 2006, năm 2007 và năm 2008, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu cũng biến động tương ứng. Nhưng nhân tố nào chiếm phần lớn trong tổng nguồn vốn và làm ảnh hưởng mạnh đến sự biến động nguồn vốn, khả năng độc lập với các chủ nợ của công ty ra sao. Ta sẽ quan sát bảng dưới để thấy được những vấn đề trên.

**Bảng 12: Kết cấu nguồn vốn của công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2007		Năm 2006		Chênh lệch cơ cấu 08/07 (%)	Chênh lệch cơ cấu 07/06 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>165.046</b>	<b>100</b>	<b>155.837</b>	<b>100</b>	<b>98.634</b>	<b>100</b>		
<b>A.Nợ phải trả</b>	<b>83.303</b>	<b>50,47</b>	<b>81.248</b>	<b>52,14</b>	<b>28.807</b>	<b>29,21</b>	<b>1,66</b>	<b>-22,93</b>
I.Nợ ngắn hạn	5.728	3,47	2.154	1,38	2.905	2,95	-2,09	1,56
II.Nợ dài hạn	77.574	47,00	79.093	50,75	25.902	26,26	3,75	-24,49
<b>B.Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>81.743</b>	<b>49,53</b>	<b>74.588</b>	<b>47,86</b>	<b>69.827</b>	<b>70,79</b>	<b>-1,66</b>	<b>22,93</b>
<b>I.Vốn chủ sở hữu</b>	<b>81.743</b>	<b>49,53</b>	<b>74.588</b>	<b>47,86</b>	<b>69.827</b>	<b>70,79</b>	<b>-1,66</b>	<b>22,93</b>
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.536	43,95	69.536	44,62	68.501	69,45	0,67	24,83
2.Lợi nhuận chưa phân phối	9.207	5,58	5.052	3,24	1.325	1,34	-2,34	-1,90

*( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Từ số liệu bảng trên cho thấy chênh lệch về tỷ trọng của nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu của công ty qua 3 năm có sự biến. Năm 2006 nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng trong nguồn vốn là 29,21%; 70,79% có khoảng cách lớn nhưng đến năm 2007 và 2008 thì tỷ trọng của 2 khoản mục này

không chênh lệch nhau nhiều. Điều này thể hiện mức độ phụ thuộc vào chủ nợ của công ty đang tăng dần về mặt tài chính.

Qua 3 năm nợ phải trả của công ty có sự biến động theo chiều hướng tăng lên cả mặt giá trị và tỷ trọng. Trong phần nợ phải trả thì phần nợ dài hạn chiếm tỷ trọng cao hơn nợ ngắn hạn và xu thế tăng thể hiện qua chênh lệch cơ cấu năm 2008 với năm 2007 tăng là 3,75%, năm 2006 chiếm 26,26% trong tổng nguồn vốn, năm 2007 chiếm 50,75% tăng 24,49%, năm 2008 chiếm 47% tăng 3,75%. Việc nợ dài hạn chiếm tỷ trọng cao như vậy là do đặc thù của công ty là chủ yếu dịch vụ vận tải biển. Để đảm bảo cho quá trình của công ty được diễn ra thường xuyên, liên tục thì công ty cần có nguồn tài trợ dài hạn lớn để tài trợ cho các tài sản cố định. Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn nên sự biến động của nó ảnh hưởng không lớn tới cơ cấu vốn và nó có xu hướng giảm về tỷ trọng năm 2008 so với năm 2007 là giảm 2,09%.

Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty qua 3 năm thì có xu hướng giảm tuy không nhiều nhưng đây là một tín hiệu không tốt và chủ yếu là nguồn huy động vốn chủ và trong đó là do lợi nhuận chưa phân phối có xu hướng giảm về tỷ trọng năm 2008 so với năm 2007 là 2,34%. Trong đó nguồn vốn chủ sở hữu năm 2007 giảm hơn năm 2006 chiếm tỷ trọng 47,86%, năm 2008 chiếm tỷ trọng 49,53% trong tổng nguồn vốn như vậy tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu của công ty trong tổng vốn giảm xuống, nguồn huy động vốn của công ty có sự thay đổi. Trong vốn chủ chủ yếu là vốn chủ sở hữu như vậy trong việc huy động vốn của công ty thực hiện nguồn tài chính tại bản thân do không có những nguồn quỹ khác hỗ trợ.

Như vậy cơ cấu vốn của công ty trong 3 năm cho ta một cái nhìn tổng quát về tình hình nguồn vốn của công ty là khá đa dạng, biến động. Nhìn chung nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu của công ty đều biến động, nợ phải trả của công ty tăng lên trong khi đó vốn chủ sở hữu giảm có thể công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính, cho thấy qua các năm nguồn vốn của công ty cũng được bổ sung để phù hợp với các hoạt động kinh doanh. Xu hướng tăng giảm của sự

chênh lệch giữa nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu không lớn cho thấy sự phụ thuộc vào chủ nợ của công ty cũng không nhiều.

### 2.3.3.2 Phân tích tình hình sử dụng nguồn vốn của công ty

Để đánh giá sự biến động nguồn vốn của doanh nghiệp cần đi vào phân tích các loại nguồn vốn sau:

#### ❖ Tình hình nợ phải trả tại công ty

Tình hình nợ phải trả của công ty được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 13: Tình hình nợ phải trả của công ty trong 3 năm 2006-2008**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm			So sánh 08/07		So sánh 07/06	
	2008	2007	2006	Mức tăng	Tỷ lệ (%)	Mức tăng	Tỷ lệ (%)
<b>A.Nợ phải trả</b>	<b>83.303</b>	<b>81.248</b>	<b>28.807</b>	<b>2.055</b>	<b>2,53</b>	<b>52.441</b>	<b>182,04</b>
<b>I.Nợ ngắn hạn</b>	<b>5.728</b>	<b>2.154</b>	<b>2.905</b>	<b>3.574</b>	<b>165,92</b>	<b>-751</b>	<b>-25,85</b>
1.Vay ngắn hạn	4.600	1.300	1.600	3.300	253,85	-300	-18,75
2.Phải trả cho người bán	1.128	854	1.305	274	32,08	-451	-34,56
<b>II.Nợ dài hạn</b>	<b>77.574</b>	<b>79.093</b>	<b>25.902</b>	<b>-1.519</b>	<b>-1,92</b>	<b>53.191</b>	<b>205,35</b>
1.Vay dài hạn	32.126	34.061	14.342	-1.935	-5,68	19.719	137,49
2.Nợ dài hạn	45.448	45.032	11.560	416	0,92	33.472	289,55

*( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Nợ phải trả có sự biến động lớn trong 3 năm, năm 2007 nợ phải trả là 81.248 triệu đồng tăng lên 52.441 triệu đồng so với năm 2006 tương ứng với tỷ lệ tăng là 182,04%. Năm 2008 nợ phải trả là 83.303 triệu đồng tăng lên về giá trị là 2.055 triệu đồng tương ứng tỷ lệ 2.53% tăng nhẹ. Sự biến động nợ phải trả chủ yếu là do các khoản mục sau:

Xét chi tiết các khoản nợ phải trả ta thấy nợ dài hạn có sự biến động tăng mạnh hơn nợ ngắn hạn. Trong 3 năm nợ dài hạn có chiều hướng tăng mạnh nhất là năm 2007. Nợ dài hạn năm 2006 là 25.902 triệu đồng đến năm 2007 là 79.093 triệu đồng tăng mạnh tương ứng 205,35% nhưng đến năm 2008 xuống 77.574 triệu đồng tương ứng giảm là 1,92% . Trong đó các khoản vay dài hạn và nợ dài

hạn đều tăng ở năm 2007 cho thấy năm 2007 có thể công ty tập trung mở rộng kinh doanh để mua các phương tiện vận tải có giá trị lớn. Vay dài hạn có xu hướng giảm giúp cho công ty ít phụ thuộc vào chủ nợ năm 2008 giảm 1.935 triệu đồng tương ứng giảm 5,68%, nợ dài hạn không mấy thay đổi.

Nợ ngắn hạn của công ty năm 2006 là 2.905 triệu đồng đến năm 2007 là 2.154 triệu giảm 751 triệu đồng tương ứng là 25,85%, năm 2008 tăng 3.574 triệu đồng tương ứng 165,92% so với năm 2007. Trong đó vay ngắn hạn chiếm chủ yếu, vay ngắn hạn công ty năm 2006 là 1.600 triệu đồng, năm 2007 vay ngắn hạn giảm xuống là 1.300 triệu đồng nhưng đến năm 2008 thì vay ngắn hạn là 4.600 triệu đồng cho thấy trước mắt công ty phải trả một khoản nợ ngắn hạn lớn. Năm 2008 nợ ngắn hạn tăng do công ty mở rộng hướng dịch vụ vận tải có liên quan đó là cho thuê tài chính tàu. Phải trả người cho bán có xu hướng giảm năm 2006 là 1.305 triệu đồng đến năm 2007 là 854 triệu đồng và đến năm 2008 là 1.128 triệu đồng, công ty luôn đều đặn trả cho người bán tạo uy tín cho các nguồn cung ứng.

Qua 3 năm 2006 - 2008 cho thấy tình hình trả nợ của công ty có nhiều biến chuyển phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mà tạo cho doanh nghiệp khả năng thanh toán tốt, trả nợ tốt. Chi tiết cho thấy trong nợ phải trả thì nợ dài hạn chiếm tỷ lệ so lớn hơn so với nợ ngắn hạn nhưng nợ dài hạn qua 3 năm thì có xu hướng giảm là năm 2008 so với năm 2007 là 1.519 triệu đồng tương ứng giảm 1.92%. Trong khi đó nợ ngắn hạn lại tăng lên năm 2008 tăng lên 3.574 triệu đồng và tương ứng 168.92%. Nhìn chung trong 3 năm hoạt động kinh doanh nợ phải trả của công ty tăng nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động của công ty diễn ra bình thường.

#### ❖ **Tình hình nguồn vốn chủ sở hữu tại công ty**

**Bảng 14: Tình hình vốn chủ sở hữu của công ty trong 3 năm 2006 - 2008**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm			So sánh 08/07		So sánh 07/06	
	2008	2007	2006	Mức tăng	Tỷ lệ (%)	Mức tăng	Tỷ lệ (%)
<b>B.Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>81.743</b>	<b>74.588</b>	<b>69.827</b>	<b>7.155</b>	<b>9,59</b>	<b>4.761</b>	<b>6,82</b>
<b>I.Vốn chủ sở hữu</b>	<b>81.743</b>	<b>74.588</b>	<b>69.827</b>	<b>7.155</b>	<b>9,59</b>	<b>4.761</b>	<b>6,82</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.536	69.536	68.501	3.000	4,31	1.035	1,51
2.Lợi nhuận chưa phân phối	9.207	5.052	1.325	4.155	82,24	3.727	281,28

*( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)*

Quan sát trên bảng cho thấy nhìn chung nguồn vốn chủ sở hữu tăng qua các năm năm 2006 là 69.827 triệu đồng đến năm 2007 tăng 4.761 triệu đồng tương ứng là 6,82%, năm 2008 tăng cao hơn năm 2007 là 7.155 triệu đồng tương ứng 9,59% như vậy nguồn vốn của công ty qua các năm đã được bổ sung nhanh và kịp thời cho quá trình kinh doanh của công ty. Năm 2008 nguồn vốn chủ sở hữu của công ty bổ sung được nhiều hơn do có một số thay đổi về các thành viên trong hội đồng giúp góp phần tăng thêm tổng nguồn vốn. Trong nguồn vốn chủ sở hữu thì chủ yếu là nguồn vốn chủ của doanh nghiệp mà hầu như là không có các nguồn quỹ, nguồn kinh phí. Trong vốn chủ sở hữu thì vốn đầu tư của chủ sở hữu là chiếm nhiều và cũng tăng qua các năm, năm 2006 là 68.501 triệu đồng đến năm 2007 tăng lên là 69.536 triệu đồng tăng không đáng kể, năm 2008 tăng lên là 72.536 triệu đồng. Nguồn vốn của chủ sở hữu tăng làm cho công ty có khả năng quay vòng vốn nhanh và sinh lời khiến cho lợi nhuận chưa phân phối của công ty cũng tăng khá, năm 2007 tăng lên 3.727 triệu đồng tương ứng là 281,28% tăng rất mạnh, năm 2008 tăng lên 4.155 triệu đồng và tương ứng là 82,24%.

Khái quát về nguồn vốn chủ sở hữu của công ty thì cho thấy khả năng huy động vốn của công ty gặp không ít rất khó khăn chủ yếu là huy động vốn

chủ và sự thay đổi thành viên trong hội đồng mới giúp doanh nghiệp tăng lên về vốn chủ. Nhưng mặc dù vậy bằng chính khả năng tài chính của mình công ty vẫn hoạt động tốt thể hiện qua con số lợi nhuận chưa phân phối tăng qua các năm 2006-2008 giúp công ty sử dụng tái đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh.

### 2.3.3.3 Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn của công ty

Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp thể hiện qua năng lực tạo ra giá trị sản xuất, doanh thu và khả năng sinh lợi của vốn. Việc quản lý và sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả vừa là yêu cầu vừa là mục tiêu của các nhà quản lý doanh nghiệp. Đây là vấn đề được hầu hết các đối tượng có liên quan đến doanh nghiệp quan tâm và chú ý. Hiệu quả quản lý và sử dụng vốn ở doanh nghiệp ảnh hưởng đến sự sống còn của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến lợi ích của các đối tượng có liên quan. Để đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn của công ty ta cần xem xét:

**Bảng 15: Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong công ty**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2007	Năm 2006
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	81.118	56.063	28.873
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.805	5.606	1.325
3	Tổng nguồn vốn	Tr.đ	165.046	155.837	98.634
4	Tổng NV bình quân	Tr.đ	160.442	127.236	82.836
5	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	81.743	74.588	69.827
6	Vòng quay tổng NV	Lần	0,51	0,44	0,35
7	Suất hao phí của NV	Lần	34,35	27,80	74,44
8	Sức sinh lợi tổng NV	Lần	0,03	0,04	0,02

Hệ số vòng quay tổng nguồn vốn phụ thuộc bởi doanh thu và tổng nguồn vốn bình quân doanh nghiệp sử dụng trong kỳ, qua bảng trên thấy vòng quay của tổng nguồn vốn tăng liên tục qua các năm. Nguyên nhân do doanh nghiệp có quy mô nguồn vốn bình quân qua các năm tăng, có kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp đầu tư vào tài sản tăng và thu được doanh thu cũng tăng. Cụ thể

là vòng quay tổng nguồn vốn năm 2006 là 0,35 lần nó cho biết cứ một đồng vốn bình quân thì đem lại cho công ty 0,35 đồng doanh thu, đến năm 2007 con số này tăng là 0,44 lần và đến năm 2008 là 0,51 lần. Như vậy cả 3 năm công ty sử dụng nguồn vốn đều đem lại hiệu quả nhưng hiệu quả chưa cao do tốc độ tăng của doanh thu không nhanh bằng tốc độ tăng của nguồn vốn bình quân chứng tỏ doanh nghiệp vẫn không huy động hết nguồn vốn mà còn ứ đọng vốn, vòng quay vốn chưa lớn.

Cùng với sự tăng lên của vòng quay tổng vốn thì sức sinh lợi của tổng nguồn vốn cũng tăng. Trong đó sức sinh lợi tổng nguồn vốn năm 2007 là đạt cao nhất trong 3 năm với 0,04 lần tức là cứ một đồng vốn bình quân trong kỳ doanh nghiệp sử dụng kinh doanh thì doanh nghiệp sẽ thu được 0,04 đồng lợi nhuận, năm 2006 thấp hơn là 0,02 lần và đến năm 2008 sức sinh lợi của tổng vốn là 0,03 lần. Cho thấy khả năng sinh lợi của công ty ngày càng tăng và tăng cao nhất là năm 2007 như vậy hiệu quả kinh doanh năm 2007 tăng có thể do quá trình quản lý và sử dụng vốn năm 2007 tiến bộ.

Ngược lại với sự tăng lên của vòng quay tổng vốn và sức sinh lợi của vốn thì suất hao phí của nguồn vốn giảm rất mạnh đó là là một tín hiệu tương đối tốt. Năm 2006 suất hao phí tổng vốn là 74,44 lần nhưng đến năm 2007 và năm 2008 chỉ còn là 27,80 lần và 34,35 lần. Cho biết để có một đồng lợi nhuận công ty phải đầu tư 34,35 đồng vốn năm 2008. Suất hao phí của tổng vốn càng giảm qua các năm cho thấy khả năng sinh lợi cao và hiệu quả kinh doanh càng lớn.

*Qua những chỉ tiêu phân tích sơ bộ trên ta thấy nhìn chung tình hình sử dụng vốn của công ty để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có hiệu quả nhưng mang lại kết quả chưa cao, hiệu suất sử dụng vốn lưu động chưa cao, tốc độ tăng nguồn vốn cao hơn tốc độ tăng của doanh thu rất nhiều. Nợ phải trả của công ty chủ yếu là nợ dài hạn và đang tăng dần trong khi đó vốn chủ sở hữu có giảm nhưng ở mức hợp lý cho thấy công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính .*

## **2.4 Kết luận chung về hiệu quả sử dụng vốn tại công ty**

Để đưa ra những biện pháp chính xác, kịp thời và hiệu quả nhằm nâng cao công tác quản lý và sử dụng vốn ta cần xem xét một cách tổng quát những kết quả mà công ty đạt được và những vấn đề tồn đọng trong những năm hoạt động sản xuất kinh doanh vừa qua.

### **2.4.1 Những kết quả đã đạt được của công ty**

Qua việc phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương ta có thể thấy được những kết quả mà công ty đạt được như sau:

Nhìn chung quy mô kinh doanh cũng như khả năng sử dụng vốn tại công ty tăng nhanh từ năm 2006 - 2008. Doanh thu và lợi nhuận tăng liên tục qua 3 năm, đặc biệt năm 2007 doanh thu tăng lên 56.036 triệu đồng tương ứng tăng 94,17% so với năm 2006. Lợi nhuận trước thuế năm 2007 là 5.606 triệu đồng tăng 323,09% so với năm 2006. Năm 2007 công ty đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được giao, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính đã đặt ra về lợi nhuận, việc bảo toàn và phát triển vốn...

Công ty có cung cách làm ăn linh hoạt, nhạy bén với những biến động trên thị trường cụ thể để hoà nhập WTO với xu thế chung của nền kinh tế công ty đã có những phương hướng, chiến lược đặt ra ở hiện tại và trong tương lai. Kết quả là hiện nay doanh nghiệp đang trên đà phát triển có nhiều khẳng định được vị trí và uy tín trên thị trường. Điều đó được thể hiện qua doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng, thanh toán được các khoản nợ đến hạn.

Hơn thế nữa vốn lưu động và vốn cố định của công ty được phân bổ hợp lý vì không chỉ kinh doanh các dịch vụ vận tải biển, công ty còn kinh doanh các mặt hàng tư liệu sản xuất. Chính vì vậy bên cạnh việc giữ cho nguồn vốn lưu thông được ổn định để thuận tiện cho việc kinh doanh, doanh nghiệp đã chú trọng trong việc đầu tư vào tài sản cố định mới để tăng năng suất cụ thể là nguyên giá tài sản cố định qua các năm tăng lên năm 2006 là 61.696 triệu đồng đến năm 2007 là 172.007 triệu đồng và năm 2008 là 184.659 triệu đồng. Điều đó

chứng tỏ doanh nghiệp không chỉ quan tâm đến việc mở rộng sản xuất về chiều rộng mà cả về chiều sâu, nhằm tạo nguồn lực lâu dài cho phát triển kinh doanh. Để đạt được kết quả như vậy là do doanh nghiệp đã biết khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả thông qua các biện pháp như: tăng nguồn vốn kinh doanh bằng cách huy động nguồn vốn chủ sẽ giảm bớt được chi phí sử dụng vốn và bớt sự phụ thuộc, đi vay dài hạn ngân hàng, tận dụng các khoản mục chiếm dụng trong đơn vị và sử dụng đòn bẩy tài chính.

Việc tập trung đầu tư vào lĩnh vực vận tải biển là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty, là nguồn thu nhập lớn chiếm tỷ trọng lớn nhất tới 89% trong lợi nhuận đã đảm bảo năng lực vận tải không những thế còn đáp ứng nhu cầu cho khách hàng tạo uy tín, chỗ đứng vững chắc cho công ty trên thị trường cạnh tranh khốc liệt .Năm 2007 công ty huy động một nguồn vốn lưu động lớn chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền bằng nguồn vốn vay dài hạn tăng 1.730 triệu đồng tương ứng tăng 22,19% so với năm 2006 để đầu tư vào tài sản cố định trong đó chủ yếu là đầu tư vào các phương tiện vận tải. Và đạt lợi nhuận trước thuế là 5.606 triệu đồng tương ứng với lợi nhuận sau thuế là 4.036 triệu đồng cao nhất trong 3 năm vừa qua. Như vậy cho thấy năm 2007 là một bước phá cho công ty đầu tư bằng nguồn vốn vay nhưng mang lại hiệu quả rất cao và cho thấy đầu tư vào phương tiện vận tải là một đầu tư lâu dài cũng chính là thế mạnh của công ty, công ty đã thấy được điều này và phát huy hết khả năng của mình. Qua đó thấy được công tác quản lý và sử dụng TSCĐ của công ty qua 3 năm tương đối ổn định và có hiệu quả mặc dù năm 2008 lợi nhuận sau thuế có giảm nhưng doanh thu vẫn tăng.

Do công ty làm ăn có lãi nên có điều kiện và chủ động hoàn thành các khoản nộp cho nhà nước, nâng đời sống thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng tăng năm 2008 thu nhập bình quân là 2.412.000 đ/người/tháng. Bên cạnh những thuận lợi của yếu tố khách quan phải khẳng định đến sự nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và toàn bộ công nhân viên trong công ty. Ban lãnh đạo của công ty đã có những nhìn nhận quyết định hợp phù hợp những biến đổi của môi

trường kinh doanh nhờ đó phát huy được thế mạnh, hạn chế điểm yếu tăng lợi nhuận cho công ty. Đội ngũ công nhân trực tiếp và quản lý đều phấn đấu hết khả năng và năng suất hoàn thành nhiệm vụ của mình.

#### **2.4.2 Những mặt còn tồn tại trong quá trình sử dụng vốn ở công ty**

Bên cạnh những thành tích đạt được công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương còn những mặt tồn tại cần cố gắng điều chỉnh.

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường hiện nay các doanh nghiệp luôn có sự cạnh tranh với nhau. Trong những năm qua mặc dù công ty đã tạo được chỗ đứng trên thị trường và đã có những thành công nhưng trong lĩnh vực kinh doanh hàng tư liệu sản xuất vẫn chưa được phát huy thế mạnh. Nguyên nhân vì công ty còn có những khó khăn về cơ sở vật chất kỹ thuật, chưa theo kịp đà phát triển hiện đại. Do sự cạnh tranh của các công ty khác và đặc biệt là các công ty có cơ cấu nguồn vốn lớn được trang bị kỹ thuật công nghệ hiện đại, địa bàn hoạt động mở rộng đã làm cho công ty gặp không ít khó khăn.

Do những khó khăn về cơ cấu vốn điều bắt buộc các nhà quản lý doanh nghiệp phải đưa ra biện pháp nhằm đẩy mạnh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực này một trong những ngành nghề chủ đạo của công ty đó là dịch vụ vận tải biển. Dịch vụ vận tải biển là hoạt động kinh doanh truyền thống mang lại doanh thu và lợi nhuận lớn nhất cho công ty. Cho nên các phương tiện vận tải có vai trò quan trọng rất lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, vì thế công ty đã tập trung trong ngành nghề này mà không để ý phát huy thế mạnh trong kinh doanh hàng vật liệu sản xuất trong đó kinh doanh hàng tư liệu sản xuất cũng mang lại cho công ty chiếm từ 15% - 18% trong tổng doanh thu và lợi nhuận.

Công ty nên quan tâm đến công tác quản lý vốn lưu động để có khả năng thanh toán tốt, quay vòng vốn nhanh, không bị chiếm dụng vốn đảm bảo cho hoạt động của công ty được diễn ra ổn định do lượng các khoản phải thu chiếm 1/3 tài sản lưu động.

TSCĐ của công ty bao gồm rất nhiều các tàu, máy móc trên tàu và các TSCĐ khác đều có giá trị nguyên giá lớn và phải chịu những mức khấu hao khác nhau do đó công ty nên có những biện pháp hay thay đổi làm giảm tối đa nếu có thể sự khấu hao của các TSCĐ như mua mới nếu có thể, nâng cấp sửa chữa nếu còn dùng được và nếu không nên thanh lý.

Trên đây là một số tồn tại trong công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương trong thời gian qua. Tất cả các tồn tại trên đều ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng nguồn vốn và đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Điều này đặt ra những nhiệm vụ cho công ty là phải có biện pháp giải quyết khắc phục những tồn tại nhằm nâng cao hiệu sản xuất kinh doanh nói chung và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn nói riêng.

## TÓM TẮT PHẦN II

Thông qua việc phân tích và đánh giá nguồn vốn của công ty ta có thể hiểu được quá trình sử dụng vốn trong những năm vừa qua từ năm 2006 – 2008.

Về VLĐ: TSLĐ tăng qua các năm, năm 2008 tăng 57 triệu đồng tương ứng với 0,6% so với năm 2006 và năm 2007 tăng 1.730 triệu đồng tương ứng với 22,19%. Trong đó chủ yếu là tiền các khoản tương đương tiền và hàng tồn kho tăng. Tiền và các khoản tương đương tiền biến động do lượng thu chi của công ty bất ổn và công ty đầu tư lượng tiền chủ yếu để mở rộng sản xuất kinh doanh đặc biệt năm 2007. Lượng hàng tồn kho của công ty tăng lên trong năm 2007 và năm 2008 có thể do công ty dự trữ một lượng tối ưu do tình hình biến động của nền kinh tế, lạm phát gia tăng, giá cả bất ổn. Các khoản phải thu giảm nhưng không nhiều năm 2008 giảm 46 triệu đồng tương ứng giảm 1,88%.

Về VCD: TSCĐ năm 2007 tăng rất nhiều so với năm 2006 có giá trị là 110.331 triệu đồng tương ứng với giá trị tăng 178,8%. Cho thấy công ty đã đầu tư vào TSCĐ trong năm 2007 là rất nhiều và chủ yếu là các phương tiện vận tải không những thế công ty còn có công tác nâng cấp sửa chữa kịp thời. Mặc dù mức KHTSCĐ có giảm nhưng không phù hợp công ty sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng sẽ bị ảnh hưởng của hao mòn vô hình.

Tổng vốn qua các năm cho thấy tổng nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu biến động qua các năm nợ phải trả năm 2008 tỷ trọng chiếm 50,47% và nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 49,53%. Nợ phải trả tăng qua các năm trong khi đó nguồn vốn chủ sở hữu giảm không nhiều cho thấy công ty đang sử dụng vốn vay để hoạt động sản xuất kinh doanh.

### PHẦN III

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐ TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHƯƠNG

### 3.1 Phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương cho năm 2015

Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương từ khi hoạt động đến nay đã được 15 năm, trong 15 năm này công ty luôn nỗ lực hết mình để có chỗ đứng trên thị trường và mở rộng hoạt động kinh doanh sản xuất. Trong thời kỳ hội nhập, Việt Nam gia nhập WTO và xu hướng toàn cầu hoá như hiện nay, công ty đã chủ động, sáng tạo, tiếp cận và hoà nhập nhanh với cơ chế thị trường, chú trọng chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, thực hiện phương châm : đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ ; đa phương hoá quan hệ và đa phương sở hữu. Đã huy động tất cả các nguồn lực của công ty như vật lực, trí lực, tài chính do vậy công ty phát triển nhanh, đã có những thay đổi căn bản. Để có những điều đó công ty luôn xây dựng những phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo, phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh cho năm 2015 :

**Một là**, duy trì và phát huy cao hiệu quả của những ngành nghề truyền thống đó là: kinh doanh vận tải biển, kinh doanh hàng tư liệu sản xuất coi đây là cơ sở tạo ra những tiền đề cho việc mở rộng những ngành nghề hiện có và phát triển những ngành nghề mới một cách hợp lý.

**Hai là**, phải tiến hành sắp xếp, công tác quản lý nhằm khắc phục những tồn tại và yếu kém của các năm trước đặc biệt trong lĩnh vực:

- Kinh doanh vận tải: Nâng cao năng lực vận tải của công ty, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra một đội tàu hoàn thiện hơn, có khả năng cạnh tranh cao. Đồng thời đào tạo lại, đào tạo mới các chức danh thuyền trưởng, máy trưởng đảm bảo cho họ có đủ điều kiện để quản lý và khai thác phương tiện

- Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất: Phải có một cách nhìn mới trong lĩnh vực này đó là phải đa dạng hoá và mở rộng phạm vi quy mô. Nâng cao chất lượng của các loại hàng hoá là yêu cầu hàng đầu để mở rộng thị trường. Biết chủ động chuyển dịch cơ cấu vừa làm “dịch vụ vận chuyển” vừa làm “nhà cung ứng” của nhiều hợp đồng lớn mở rộng không chỉ trong nước mà còn vươn lên trên thị trường Đông Nam Á. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế, tăng cường phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường như công ty đã cam kết vì mục tiêu phát triển bền vững.

**Ba là**, đầu tư hợp lý để phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng lao động nhằm mở rộng dịch vụ, trước hết tập trung vào ngành nghề kinh doanh truyền thống.

**Bốn là**, xây dựng hoàn thiện các quy chế quản lý, các cơ chế khoán, các định mức kinh tế - kỹ thuật hợp lý trên nguyên tắc: Đảm bảo được yêu cầu quản lý, phù hợp với pháp luật, mở rộng được quyền tự chủ và tính năng động sáng tạo trong kinh doanh. Tích cực áp dụng những khoa học kỹ thuật, tin học và công tác quản lý, điều hành.

**Năm là**, coi trọng công tác tiếp thị, nắm vững thị trường, điều chỉnh kịp thời những bất hợp lý. Nhạy bén chớp thời cơ để mở rộng sản xuất, mở rộng các ngành nghề kinh doanh một cách hợp lý khi có cơ hội và điều kiện.

**❖ Phương hướng sản xuất kinh doanh trên được cụ thể hoá trong năm 2009 như sau:**

✚ Tiếp tục nâng cao dịch vụ vận tải đáp ứng tối đa nhu cầu vận chuyển cho khách hàng vì đây là một trong những ngành nghề kinh doanh chính mang lại lợi nhuận cho công ty. Chính vì vậy trong kế hoạch năm 2009 công ty sẽ phân đầu hạ giá thành vận tải để đảm bảo cạnh tranh của đội tàu nhằm tối đa hoá doanh thu và lợi nhuận; nghiên cứu tìm kiếm phát triển thị trường mở rộng hướng vận tải với định mức lớn hơn, nâng cao hiệu quả khai thác phương tiện đó.

✚ Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất: Sẽ mở rộng và phát triển ngành nghề kinh doanh hàng tư liệu sản xuất theo chiều sâu và chiều rộng. Những năm tới công ty sẽ chủ động đi tìm bạn hàng qua những trang web, thông tin trên mạng và có sự lựa chọn, sàng lọc nhiều nhà cung ứng. Tăng cường công tác tìm hiểu và điều tra thị trường, nhu cầu của khách hàng trong kinh doanh hàng tư liệu sản xuất từ đó sẽ có những kế hoạch mở rộng các đại lý, chi nhánh tiêu thụ sản phẩm hỗ trợ cho ngành kinh doanh dịch vụ vận tải và tăng thêm thu nhập cho công ty.

✚ Về công tác tài chính: Để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển, công ty sẽ quản lý các công tác như hàng tồn kho, xây dựng các chính sách tín dụng thương mại với bạn hàng, nợ phải trả... để có môi trường thích giúp công ty huy động được vốn kịp thời.

✚ Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống quy chế quản lý, tổ chức điều hành, chất lượng cán bộ thông qua việc tuyển dụng cán bộ quản lý giỏi, công nhân thuyền viên có đủ năng lực, trình độ tay nghề đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

Nhìn chung kế hoạch của năm 2009 được khái quát như sau:

- Ký kết hợp đồng vận chuyển theo đúng tấn đăng kiểm của tàu.
- Quan hệ tốt với khách hàng để khai thác tối đa nguồn hàng.
- Mở rộng đại lý ngành nghề kinh doanh.
- Nâng cấp sửa chữa trẻ hoá đội tàu nhằm tăng sức trở hàng.
- Đào tạo huấn luyện thuyền viên đầy đủ khả năng công tác trong mọi tình

huống

**Bảng 16: Kế hoạch kinh doanh của công ty năm 2009**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Tỷ lệ % so với năm 2008
1	Sản lượng				
	-Vận tải thủy	Tấn	783.000	1.036.770	132,41
	-KD tư liệu sản xuất	Tấn	159.400	191.487	120,13
2	Doanh thu	Tr.đ	60.218	90.459	150,22
3	Chi phí kinh doanh	Tr.đ	54.177	80.301	148,22
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.041	10.928	180,91
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.631	8.313	179,48
6	Thu nhập bình quân	Đ/n/tháng	2.200.000	3.100.000	140,09
7	Nộp ngân sách	Tr.đ	900	1.500	166,66

(Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)

### 3.2 Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty

Trên cơ sở phân tích tình hình quản lý và sử dụng vốn ta thấy công ty đã đạt được kết quả khả quan trong quá trình sản xuất kinh doanh, tuy nhiên việc đầu tư và sử dụng vốn của công ty đạt hiệu quả chưa cao, bên cạnh đó vẫn còn có những tồn tại và hạn chế. Vì vậy tiếp cận, nghiên cứu và tìm ra biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh, khai thác tối đa những khả năng tiềm tàng, đồng thời khắc phục những khó khăn hạn chế của công ty là điều hết sức cần thiết. Em mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty.

#### 3.2.1 Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng.

❖ **Thực trạng:** Trong những năm qua mặc dù đã thu được một số khoản nợ đọng, song vốn lưu động của công ty còn bị chiếm dụng chiếm gần 1/3 tài sản lưu động. Điều đó cho thấy công tác thanh toán tiền hàng, thu hồi công nợ còn phải chặt chẽ hơn nữa. Công ty chưa đề ra ra các biện pháp khuyến khích khách hàng thanh toán ngay từ đầu hoặc thanh toán nhanh. Trong các hợp đồng

tiêu thụ hàng tư liệu sản xuất của công ty ký kết với khách hàng chưa có điều kiện ràng buộc về thanh toán, về số tiền ứng trước, công ty chưa có hình thức khách hàng thanh toán tiền hàng sớm và ngay khi giao hàng.

❖ **Mục đích của biện pháp:** Nhằm thu hồi lượng vốn mà công ty bị các doanh nghiệp khác chiếm dụng. Tăng thêm vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí do công ty thiếu vốn phải đi vay ngân hàng. Lượng vốn mà công ty thu hồi được sẽ được đầu tư vào kinh doanh làm tăng hiệu quả kinh doanh cho công ty.

❖ **Nội dung của biện pháp**

- Công ty phải tiến hành rà soát, phân loại các khoản phải thu đến hạn, tới hạn, quá hạn, các khoản phải thu khó đòi để có biện pháp kịp thời.

- Thực hiện chính sách vốn ngắn hạn chặt chẽ, giảm tới mức thấp nhất các khoản phải thu, nâng cao vòng quay các khoản phải thu.

- Công ty phải quy định rõ thời hạn thanh toán và hình thức thanh toán trên hợp đồng giao hàng, chứng từ và các bên phải có trách nhiệm tuân thủ một cách đầy đủ, nghiêm túc các điều khoản đã quy định, đồng thời công ty cũng nên đề ra các hình thức bồi thường nếu một trong các bên vi phạm điều khoản trên.

- Tăng cường các biện pháp khách hàng thanh toán tiền hàng như sử dụng chiết khấu bán hàng, giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng quen thuộc, mua và đặt hàng với số lượng lớn, thanh toán sớm thời hạn. Nếu thực hiện được điều này chắc chắn công tác thu hồi nợ của công ty sẽ nhanh chóng hơn, hạn chế được tình trạng thanh toán chậm, dây dưa khó đòi. Tuy nhiên để làm được điều này, công ty cũng phải nghiên cứu kỹ để đề ra một tỷ lãi xuất hợp lý nhất vẫn phải đảm bảo phát huy được hiệu quả. Công ty cần phải dựa vào lãi suất ngân hàng về vốn vay, vì thực tế cho thấy trong thời gian vốn bị khách hàng chiếm dụng quá nhiều đã buộc công ty phải đi vay vốn ngân hàng cho sản xuất kinh doanh và tất nhiên công ty phải trả một khoản lãi nhất định, hơn nữa khi vay vốn ngân hàng lại đòi hỏi các thủ tục phức tạp. Để tránh tình trạng này và chủ động

trong việc sử dụng vốn, công ty có thể đưa ra một lãi suất thấp hơn và thậm chí tương đương với lãi suất ngân hàng trong trường hợp cần thiết để có thể thu hồi tiền hàng ngay vì chắc chắn điều này còn có lợi hơn là đợi khách hàng thanh toán toàn bộ tiền hàng sau một thời gian nhất định, những khoảng thời gian đó công ty lại phải đi vay để có vốn sản xuất.

\* *Thực hiện cụ thể:*

**Bảng 17: Phân nhóm khách hàng theo thời gian thanh toán**

Loại	Thời gian trả chậm	Các khoản phải thu	
		Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng
1	1- 15 ngày	325	10%
2	15 - 30 ngày	500	20%
3	30 - 45 ngày	743	30%
4	45 - 60 ngày	860	40%

Nếu giảm kỳ thu tiền bình quân của công ty từ 10.87 ngày xuống còn 6.05 ngày thì ta sẽ được các kết quả như sau:

**Bảng 18: Đánh giá kết quả thực hiện biện pháp**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trước giải pháp	Sau giải pháp	Chênh lệch	
					Mức tăng	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	81.118	88.124	7.006	8,64
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.805	5.779	974	20,27
3	TSLĐ bình quân	Tr.đ	9.557	7.832	-1.725	-18,05
4	Số dư bình quân các khoản phải thu	Tr.đ	2.428	1.481	-947	-39,00
5	Sức sinh lợi của TSLĐ	Lần	0,5	0,74	0,24	47,58
6	Hệ số đảm nhiệm TSLĐ	Lần	0,12	0,09	-0,03	-25,94
7	Số vòng quay TSLĐ	Vòng	8,49	11,25	2,76	32,54
8	Thời gian 1 vòng luân chuyển	Ngày	42,41	31,99	-10,42	-24,56
9	Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	33,41	59,50	26,09	78,10
10	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	10,78	6,05	-4,73	-43,88

❖ **Kết quả đạt được:**

Như vậy nếu công ty thực hiện thành công việc giảm kỳ thu tiền bình quân xuống còn 6,05 ngày thì:

- Giảm được các khoản phải thu xuống còn 1.481 triệu đồng.
- Vòng quay các khoản phải thu tăng 26,09 vòng
- Kỳ thu tiền bình quân giảm được 4,73 ngày

Công tác thu hồi nợ được thực hiện đều đặn, có hiệu quả sẽ tạo khả năng quay vòng vốn nhanh, không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn tạo cho công ty khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả một cách chủ động, qua đó củng cố phát triển sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất cho công ty, tăng đáng kể sức sinh lợi của TSLĐ từ đó làm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

### **3.2.2 Chú trọng tìm kiếm thị trường trong lĩnh vực kinh doanh hàng tư liệu sản xuất**

✚ **Thực trạng:** Địa bàn kinh doanh của công ty trong lĩnh vực kinh doanh hàng tư liệu sản xuất chủ yếu là Hải Phòng, đây là địa bàn có rất nhiều công ty kinh doanh dịch vụ vận tải biển, họ đều có quy mô lớn về năng lực không chỉ kinh doanh các dịch vụ vận tải biển mà cả các nguồn hàng mà khách hàng cần. Nên sự cạnh tranh của công ty rất gay gắt và điều kiện kinh doanh rất khó khăn.

#### ✚ **Nội dung của biện pháp**

Đẩy mạnh và mở rộng thị trường đòi hỏi công ty trước hết phải duy trì mối quan hệ làm ăn ổn định với những khách hàng có nhu cầu lớn, tiêu thụ sản phẩm thường xuyên lâu dài cần vận chuyển. Do đó công ty cần quan tâm đến các vấn đề:

+ Công ty cần mở rộng thị các đại lý, cửa hàng chuyên kinh doanh các hàng tư liệu sản xuất đầy đủ các chủng loại như: sắt, thép, tôn, than đá... ở các tỉnh, thành phố cảng, biển vừa để tăng mức tiêu thụ mặt hàng này vừa mở rộng phạm vi, nắm bắt nhu cầu dịch vụ vận tải. Khuyến khích việc bán hàng bằng cách cho các cửa hàng hưởng hoa hồng theo doanh số bán ra, đưa ra hình thức

khen thưởng cho cửa hàng có doanh số bán ra lớn nhất trong năm hoặc trong quý.

+ Tiến hành quảng cáo các mặt hàng của công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Muốn tiêu thụ được hàng và tạo uy tín trên thị trường thì công ty cần củng cố tổ chức nhân sự và trang thiết bị phương tiện hiện đại cho các trung tâm kiểm tra chất lượng có đủ năng lực kiểm tra các vật liệu, than đá... trước khi giao cho khách hàng và đưa ra thị trường.

+ Tăng cường thêm bộ phận tiếp thị để giúp cho doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận với thị trường và tiếp cận trực tiếp với khách hàng. Doanh nghiệp có thể linh động trong trao đổi mua bán giữa các doanh nghiệp như: doanh nghiệp có thể trở thành người mua và đồng thời cũng trở thành người bán đối với nhiều doanh nghiệp khác. Như vậy sẽ tạo được mối liên kết giữa doanh nghiệp và bạn hàng đôi bên cùng có lợi.

**📌 Kết quả đạt được:** Thực hiện được việc tiêu thụ sản phẩm doanh nghiệp mới hoàn thành các quá trình kinh tế của sản xuất và mới đảm bảo được cho quá trình sản xuất được thường xuyên liên tục. Có tiêu thụ sản phẩm thì mới tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất mạnh mẽ hơn và như vậy máy móc thiết bị, phương tiện vận tải mới có thể phát huy hết công suất, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định.

Tóm lại có tìm được thị trường lâu dài, ổn định thì mới đẩy nhanh được tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, các phương tiện vận tải hiện có, phát triển năng lực sản xuất, đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn cố định của công ty. Từ đó tạo điều kiện cho công ty mở rộng và phát triển hơn nữa quy mô kinh doanh của mình.

### **3.2.3 Cải tiến phương pháp khấu hao cho tài sản cố định**

**📌 Thực trạng:** Hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng với tỷ lệ khấu hao này công ty phải sử dụng tài sản cố định

trong một thời gian dài mới khấu hao và đổi mới tài sản cố định. Làm như vậy là không thích hợp, nhất là trong gian đoạn hiện nay khi khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, có nhiều máy móc mới ra đời, tài sản cố định không những dễ bị hao mòn mà còn hao mòn rất nhanh chóng. Do vậy, để đảm bảo có quỹ khấu hao đủ để thực hiện tái đầu tư tài sản cố định, nhanh chóng đổi mới thiết bị, đưa kỹ thuật vào sản xuất thì trong trích khấu hao tài sản cố định cần tính đến các yếu tố như: khoa học kỹ thuật, giá cả, xu hướng thị trường thì công ty nên theo phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần

**➤ Nội dung của biện pháp:** Phương pháp trích khấu hao theo số dư giảm dần dựa trên các cơ sở : Khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, tài sản cố định dễ bị hao mòn vô hình. Để hạn chế hao mòn vô hình trong thời gian sử dụng đòi hỏi phải khấu hao nhanh (trên cơ sở tận dụng tối đa công suất máy móc thiết bị). Nhanh chóng thu hồi vốn để đổi mới trang thiết bị, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Mặt khác, trên thị trường giá cả luôn biến động, tài sản của xí nghiệp cũng chịu sự biến động này và đó chính là nguyên nhân làm giảm giá trị của tài sản cố định. Do vậy cần tiến hành khấu hao nhanh để bảo toàn vốn đã đầu tư vào tài sản cố định, đồng thời cũng phù hợp với thực tế là công suất làm việc của máy móc thiết bị giảm dần theo thời gian.

+ Theo phương pháp này số khấu hao hàng năm của TSCĐ được xác định bằng cách lấy giá trị còn lại của TSCĐ ở đầu năm của năm tính khấu hao nhân với một tỷ lệ khấu hao cố định hàng năm. Công thức được xác định:

$$M_{ki} = G_{di} * T_{kd}$$

*Trong đó:*

$M_{ki}$  : Số khấu hao TSCĐ năm thứ  $i$

$G_{di}$ : Giá trị còn lại của TSCĐ đầu năm thứ  $i$

$T_{kd}$ : Tỷ lệ khấu hao cố định hàng năm của TSCĐ.

$i$  : Thứ tự các năm sử dụng TSCĐ

+ Tỷ lệ khấu hao cố định hàng năm được xác định bằng cách lấy tỷ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng nhân với hệ số điều chỉnh.

$$Tkd = Tkh * Hd$$

Trong đó:

Tkh: Tỷ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng

Hd: Hệ số điều chỉnh.

+ Theo kinh nghiệm các nhà kinh tế ở các nước thường sử dụng hệ số như sau:

- TSCĐ có thời gian sử dụng 3 đến 4 năm thì hệ số là 1,5.
- TSCĐ có thời gian sử dụng 5 đến 6 năm thì hệ số là 2.
- TSCĐ có thời gian sử dụng trên 6 năm trở lên thì hệ số là 2,5 .

\* *Thực hiện cụ thể:*

Nguyên giá của tàu Hoàng Phương 02 là 100 triệu đồng. Thời gian sử dụng hữu ích trong 5 năm, tỷ lệ khấu hao cố định theo phương pháp đường thẳng là 20%.

Tỷ lệ khấu hao cố định hàng năm:  $20\% * 2 = 40\%$ .

**Bảng 19: Số khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần**

TT	Cách tính KH	Số KH từng năm	Số KH lũy kế	Giá trị còn lại TSCĐ
1	$100 * 40\%$	40	40	60
2	$(100 - 40) * 40\%$	24	64	36
3	$(100 - 64) * 40\%$	14,4	78,4	21,6
4	$(100 - 78,4) * 40\%$	8,64	87,04	12,96
5	$(100 - 87,04) * 40\%$	5,184	92,224	7,776

#### **Kết quả đạt được:**

Như vậy theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng mà công ty đang sử dụng và phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần thì số năm công ty thu hồi được vốn đầu tư là tương đương như nhau, nhưng ở phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần đẩy nhanh mức khấu hao TSCĐ trong những năm đầu sử dụng và giảm dần mức khấu hao theo thời hạn sử dụng. Ở phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần phản ánh chính xác hơn mức hao mòn TSCĐ vào giá

trị sản phẩm giúp công ty có công tác theo dõi và quản lý chặt chẽ sự khấu hao các TSCĐ. Bên cạnh đó còn giúp công ty nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư mua sắm TSCĐ trong những năm đầu sử dụng, nâng cao khả năng thanh toán, giảm đáng kể lượng vốn bị ứ đọng và hạn chế các ảnh hưởng của hao mòn vô hình.

### **3.2.4 Bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ vào hệ thống báo cáo tài chính của công ty**

❖ **Thực trạng:** Trong những năm gần đây hoạt động trong công tác cung cấp các thông tin để đánh giá khả năng tạo ra tiền, nguồn hình thành nên tiền từ các hoạt động kinh doanh, khả năng thanh toán hay lượng tiền thu, chi của công ty chưa nhanh chóng. Do hiện tại công ty chỉ lập 3 trong 4 báo cáo trong hệ thống tài chính đó là báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán và thuyết minh báo cáo tài chính, vì thế để hoàn thiện hơn nữa trong hệ thống báo cáo tài chính cung cấp thông tin tổng hợp về giá trị phục vụ công tác phân tích tài chính công ty nên lập và bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

❖ **Nội dung biện pháp:** Công ty cần lập bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh quá trình hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.

Công ty cần theo dõi các khoản mục sau để có thể lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho hợp lý và chính xác:

- Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Phản ánh toàn bộ dòng tiền thu, chi liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như tiền thu về từ bán hàng, thu từ các khoản phải thu thương mại, các khoản chi trả bằng tiền trong kỳ về khoản phải trả cho người bán, phải trả công nhân viên.

- Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư phản ánh toàn bộ dòng tiền thu, chi liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, bao gồm:

+ Đầu tư vào cơ sở vật chất, kỹ thuật trong doanh nghiệp như mua sắm trang thiết bị, TSCĐ...

+ Đầu tư vào đơn vị khác dưới hình thức góp vốn liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho vay...

- Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính phản ánh toàn bộ dòng tiền thu, chi liên quan trực tiếp đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp, bao gồm hoạt động làm tăng, giảm vốn kinh doanh do nhận vốn góp, góp vốn, vay và cho vay dài hạn, ngắn hạn, cổ tức được chia và chia cổ tức...

❖ **Kết quả đạt được:** Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ sẽ giúp nắm bắt và theo dõi tốt các khoản tiền và các khoản tương đương tiền hay lượng vốn lưu động mà công ty huy động trong kỳ. Đây là báo cáo tài chính không chỉ cung cấp thông tin cho công ty mà còn cho các đối tượng khác như: các thành viên tham gia góp vốn, các cơ quan tài chính, ngân hàng cho vay, các bạn hàng... từ đó công ty sẽ có những phương án, biện pháp huy động luồng vốn lưu động hợp lý đầu tư vào các khoản như: TSCĐ, mở rộng địa bàn hoạt động...

### TÓM TẮT PHẦN III

Qua phần I và phần II để thấy được căn cứ, thực trạng của công ty để đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty.

Biện pháp 1: Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng nhằm thu hồi lại lượng vốn mà công ty bị chiếm dụng tăng thêm lượng vốn trong sản xuất kinh doanh cho công ty và thu hồi vốn đầu tư và các hoạt động kinh doanh khác.

- Nếu công ty thực hiện thành công thì việc giảm thì thu tiền bình quân từ 10,87 ngày xuống 6,05 ngày thì:

- + Giảm được các khoản phải thu xuống còn 1.481 triệu đồng
- + Vòng quay các khoản phải thu tăng 26,09 vòng
- + Kỳ thu tiền bình quân giảm được 4,73 ngày

Biện pháp 2: chú trọng tìm kiếm thị trường trong lĩnh vực kinh doanh hàng tư liệu sản xuất giúp cho công ty mở rộng kinh doanh không chỉ ở mặt hàng tư liệu sản xuất mà còn giúp công ty trong kinh doanh dịch vụ vận tải biển tăng thêm doanh thu và lợi nhuận cho công ty, tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

Biện pháp thứ 3: Cải tiến phương pháp khấu hao cho TSCĐ theo phương pháp số dư giảm dần sẽ phản ánh chính xác hơn mức hao mòn TSCĐ vào giá trị sản phẩm giúp công ty có công tác theo dõi và quản lý chặt chẽ sự khấu hao các TSCĐ và nhanh chóng thu hồi vốn nâng cao khả năng thanh toán giảm lượng vốn bị ứ đọng và các ảnh hưởng của hao mòn vô hình.

## KẾT LUẬN

Đất nước ta đang nỗ lực trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Trong dòng chảy của quá trình đó, yêu cầu đối với nền kinh tế nước ta là phải phát huy cho những lợi thế và hạn chế những mặt còn non yếu để tạo ra thế và lực đưa nền kinh tế phát triển trên thế giới. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực mà một trong những nguồn lực quan trọng nhất là nguồn lực vốn, để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cải thiện năng lực cạnh tranh và có thể tham gia một cách đầy đủ vào quá trình hội nhập của nền kinh tế thế giới.

Sử dụng vốn có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn trong doanh nghiệp, hiện nay là vấn đề cấp bách có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Doanh nghiệp có thể sử dụng những lợi nhuận từ việc sử dụng hiệu quả của nguồn vốn đem lại để tiến hành tái đầu tư, tái sản xuất mở rộng quy mô, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển lớn mạnh hơn.

Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thì vận tải biển là hoạt động chủ yếu và cũng là thế mạnh của công ty TNHH Hoàng Phương. Trong thực tế chúng ta cần thấy ngành vận tải luôn giữ vị trí vô cùng quan trọng trong sự phát triển của mỗi quốc gia cũng như sự phát triển của các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân, mở rộng giao lưu văn hoá, kinh tế giữa các khu vực... Do vậy việc đổi mới, cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động của ngành vận tải luôn là trong những yêu cầu hàng đầu của công ty. Bên cạnh đó công ty còn khai thác và phát triển các mặt hàng có liên quan đến hàng tư liệu sản xuất góp phần nâng cao lợi nhuận và doanh thu cho công ty.

Từ khi hoạt động đến nay ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty luôn đoàn kết, hăng say lao động và từng bước ổn định trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Thành tựu của công ty đạt được mới

chỉ là bước đầu nhưng đã khẳng định đường lối đúng đắn và lòng nhiệt huyết, quyết tâm lao động của tập thể cán bộ công nhân viên toàn công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương em đã đi sâu phân tích tình hình sử dụng và đánh giá tình hình sử dụng vốn của công ty. Em đã chỉ ra những ưu điểm mà công ty cần phát huy, đồng thời em cũng mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng nguồn vốn của công ty. Tuy nhiên do trình độ lý luận và nắm bắt thực tế còn nhiều hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến bổ sung ý kiến của các thầy cô giáo, các anh chị trong phòng kinh doanh của công ty và toàn thể các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn đến ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường ĐH Dân Lập Hải Phòng và đặc biệt là giảng viên hướng dẫn Cô Hoàng Thị Hồng Lan đã tận tình giúp đỡ chỉ bảo em trong suốt quá trình làm luận văn tốt nghiệp.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2009*

**Sinh viên thực hiện**

**Trần Thị Quế Oanh**

## DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Ngô Thế Chi & PGS.TS Nguyễn Trọng Cơ, Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản tài chính - 2008.
2. PGS.TS Nguyễn Đình Kiệt & TS Bạch Đức Hiền, Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản học viện tài chính - 2008.
3. TS Nguyễn Minh Kiều, Tài chính doanh nghiệp, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, Nhà xuất bản thống kê - 2006.
4. TS Đàm Văn Huệ, Hiệu quả sử dụng vốn trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ( sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân - 2006.
5. PGS.TS Phạm Thị Gái, Giáo trình phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, Nhà xuất bản thống kê Hà Nội - 2004.
6. TS Nguyễn Đăng Nam & PGS.TS Nguyễn Đình Kiệt, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Trường ĐH Tài chính kế toán Hà Nội, Nhà xuất bản tài chính - 2001.
7. PGS.TS Lê Văn Tâm ( Chủ biên), Giáo trình quản trị doanh nghiệp, Nhà xuất bản thống kê Hà Nội - 2000.
8. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và văn bản mới hướng dẫn thực hiện, Nhà xuất bản thống kê - 2008.
9. Tài liệu của công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương

## BẢNG PHỤ LỤC

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2006, 2007, 2008

*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	28.873.549.000	56.063.309.000	81.118.323.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	28.873.549.000	56.063.309.000	81.118.323.000
4. Giá vốn hàng bán	25.588.548.000	44.615.178.000	64.943.776.000
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dv</b>	3.285.001.000	11.448.131.000	16.174.547.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính			28.475.000
7. Chi phí tài chính	1.704.972.000	4.625.123.000	10.928.620.000
- Trong đó : chi phí lãi vay	1.704.972.000	4.625.123.000	10.928.619.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	299.770.000	1.216.552.000	468.750.000
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	1.280.295.000	5.606.456.000	4.805.652.000
10. Thu nhập khác	3.245.281.000	10.789.998.000	1.948.471.000
11. Chi phí khác	3.200.208.000	10.789.998.000	1.948.471.000
12. Lợi nhuận khác	45.073.000	-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.325.332.000	5.606.456.000	4.805.652.000
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	371.092.960	1.569.807.680	1.345.582.560
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	954.239.040	4.036.648.320	3.460.069.440

( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Năm 2006, 2007, 2008**

*Đơn vị tính : VND*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>7.798.029</b>	<b>9.528.648.000</b>	<b>9.585.106.000</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>947.054.000</b>	<b>3.298.025.000</b>	<b>2.814.843.000</b>
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>2.624.784.000</b>	<b>2.451.210.000</b>	<b>2.404.529.000</b>
1. Phải thu khách hàng	1.495.777.000	1.614.509.000	1.904.529.000
2. Trả trước cho người bán			
3. Các khoản phải thu khác	1.129.007.000	836.701.000	500.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>2.387.009.000</b>	<b>2.907.710.000</b>	<b>3.484.344.000</b>
1. Hàng tồn kho	2.387.009.000	2.907.710.000	3.484.344.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1.839.182.000</b>	<b>871.703.000</b>	<b>881.390.000</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	1.080.943.000	388.856.000	649.852.000
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		66.050.000	89.451.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	758.239.000	416.797.000	142.087.000
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>90.836.875.000</b>	<b>146.308.612.000</b>	<b>155.461.244.000</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>90.636.875.000</b>	<b>146.108.612.000</b>	<b>155.461.244.000</b>
1. Nguyên giá	78.209.127.000	172.007.262.000	184.659.900.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	(22.043.143.000)	(26.350.721.000)	(29.650.727.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.470.891.000	452.071.000	452.071.000
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
1. Nguyên giá			
2. Giá trị hao mòn lũy kế			
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	-	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn			
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn	200.000.000	200.000.000	
2. Tài sản dài hạn khác			
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>98.643.904.000</b>	<b>155.837.260.000</b>	<b>165.046.350.000</b>

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn  
Hoàng Phương

NGUỒN VỐN	Năm 2006	2007	2008
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>28.807.763.000</b>	<b>81.248.436.000</b>	<b>83.303.121.000</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>2.905.026.000</b>	<b>2.154.486.000</b>	<b>5.728.555.000</b>
1. Vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.300.000.000	4.600.000.000
2. Phải trả cho người bán	1.305.026.000	854.486.000	1.128.555.000
3. Người mua trả tiền trước			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			
5. Phải trả người lao động			
6. Chi phí phải trả			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác			
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>25.902.737.000</b>	<b>79.093.950.000</b>	<b>77.574.566.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	25.902.737.000	79.093.950.000	77.574.566.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm			
3. Phải trả, phải nộp dài hạn khác			
4. Dự phòng phải trả dài hạn			
<b>B- Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>69.827.141.000</b>	<b>74.588.824.000</b>	<b>81.743.229.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>69.827.141.000</b>	<b>74.588.824.000</b>	<b>81.743.229.000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	68.501.809.000	69.536.188.000	72.536.188.000
2. Thặng dư vốn cổ phần			
3. Vốn khác của chủ sở hữu			
4. Cổ phiếu quỹ			
5. Chênh lệch tỉ giá hối đoái			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	1.325.332.000	5.052.636.000	9.207.041.000
<b>III. Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>			
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>98.634.904.000</b>	<b>155.837.260.000</b>	<b>165.046.350.000</b>

( Nguồn: báo cáo tài chính công ty TNHH Hoàng Phương)

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN.....</b>	<b>3</b>
<b>1.1 Vốn và vai trò của vốn đối với doanh nghiệp .....</b>	<b>3</b>
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm vốn kinh doanh trong doanh nghiệp .....	3
1.1.2 Phân loại vốn kinh doanh của doanh nghiệp .....	6
1.1.2.1 Theo nguồn hình thành .....	6
1.1.2.2 Theo thời gian huy động .....	8
1.1.2.3 Theo phương thức chu chuyển .....	8
1.1.3 Vai trò của vốn với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp .....	9
<b>1.2 Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp .....</b>	<b>12</b>
1.2.1 Tài liệu nguồn cần thiết cho việc phân tích hiệu quả sử dụng vốn.....	13
1.2.2 Phương pháp phân tích tình hình sử dụng hiệu quả vốn của doanh nghiệp.....	14
1.2.3 Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.....	16
1.2.4 Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp ...	17
1.2.4.1 Chu kỳ sản xuất.....	17
1.2.4.2 Kỹ thuật sản xuất.....	17
1.2.4.3 Đặc điểm của sản phẩm .....	18
1.2.4.4 Tác động của thị trường .....	18
1.2.4.5 Trình độ đội ngũ cán bộ và công nhân sản xuất .....	18
1.2.4.6 Trình độ quản lý và sử dụng các nguồn vốn .....	19
1.2.5 Các chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.....	19
1.2.5.1 Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản lưu động.....	20
1.2.5.2 Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản cố định .....	22
1.2.5.3 Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn tổng vốn .....	23
1.2.5.4 Các chỉ số về hoạt động .....	24
<b>TÓM TẮT PHẦN I .....</b>	<b>26</b>

<b>PHẦN II: THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHƯƠNG .....</b>	<b>27</b>
<b>2.1 Một số nét khái quát về công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương.....</b>	<b>27</b>
2.1.1 Quá trình hình thành về công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương.....	27
2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Hoàng Phương .....	35
<b>2.2 Khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm vừa qua từ năm 2006 – 2008 .....</b>	<b>38</b>
<b>2.3 Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương .....</b>	<b>40</b>
2.3.1 Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty .....	41
2.3.1.1 Kết cấu tài sản lưu động trong công ty .....	41
2.3.1.2 Tình hình sử dụng tài sản lưu động tại công ty.....	42
2.3.1.3 Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản lưu động tại công ty .....	45
2.3.2 Phân tích hiệu quả sử dụng vốn cố định tại công ty.....	48
2.3.2.1 Kết cấu tài sản cố định của công ty .....	48
2.3.2.2 Hoạt động quản lý, bảo toàn và đổi mới tài sản cố định .....	50
2.3.2.3 Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định của công ty.....	53
2.3.3 Phân tích chung về nguồn vốn của công ty .....	56
2.3.3.1 Kết cấu nguồn vốn của công ty.....	56
2.3.3.2 Phân tích tình hình sử dụng nguồn vốn của công ty.....	58
2.3.3.3 Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn của công ty.....	61
<b>2.4 Kết luận chung về hiệu quả sử dụng vốn tại công ty .....</b>	<b>63</b>
2.3.1 Những kết quả đã đạt được của công ty.....	63
2.3.2 Những mặt còn tồn tại trong quá trình sử dụng vốn ở công ty .....	65
<b>TÓM TẮT PHẦN II.....</b>	<b>67</b>
<b>PHẦN III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG PHƯƠNG .</b>	<b>68</b>
<b>3.1 Phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Phương cho năm 2015.....</b>	<b>68</b>

<b>3.2 Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty .....</b>	<b>71</b>
3.2.1 Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng. ....	71
3.2.2 Chú trọng tìm kiếm thị trường trong lĩnh vực kinh doanh hàng tư liệu sản xuất.....	74
3.2.3 Cải tiến phương pháp khấu hao cho tài sản cố định.....	75
3.2.4 Bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ vào hệ thống báo cáo tài chính của công ty .....	78
<b>TÓM TẮT PHẦN III.....</b>	<b>80</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>81</b>

## **DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT**

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn  
CPTM: Cổ phần thương mại  
UBND: Ủy ban nhân dân  
TSLĐ: Tài sản lưu động  
TSCĐ: Tài sản cố định  
TSHH: Tài sản hữu hình  
TSVH: Tài sản vô hình  
VLĐ: Vốn lưu động  
VCFĐ: Vốn cố định  
ĐTLĐ: Đối tượng lao động  
SLĐ: Sức lao động  
TLLĐ: Tư liệu lao động  
SX: Sản xuất  
HTK: Hàng tồn kho  
TNBQ: thu nhập bình quân  
CKPTNH: Các khoản phải thu ngắn hạn  
DT: Doanh thu  
ĐVT: Đơn vị tính  
STT: Số thứ tự  
Tr.đ: Triệu đồng  
NV: Nguồn vốn  
VNĐ: Việt Nam đồng  
Đ/n/tháng: Đồng/người/tháng  
KH: Khấu hao